

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ BÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-----------------|
| — Thành-thực | NGUY-NHƯ KONTUM |
| — Hiến pháp Trung-hoa: Kết-quả
cuộc cách-mệnh Tân-hợi | PHAN ANH |
| — Nước Ý sau trận chiến-tranh
1914-1918 | ỨC MAI |
| — Danh văn ngoại quốc :
Vài tư-tưởng về nhê bất-diệt
của Rabindranath Tagore | V. H. dịch |
| — Chính sách nghiệp đoàn | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Lỗ Tấn (1881 - 1936) | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Dọc đường | HƯỚNG MINH |
| — Cuộc tiến-hóa của nền tư-bản :
Những biến-trạng của chế-độ
tư bản từ cuối thế-kỷ thứ XIX | VŨ VĂN HIỀN |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |

THÀNH

THỰC

NGUY-NHƯ KONTUM

TÔI xin phép định nghĩa chữ thành thực một cách chặt chẽ và hẹp hòi, để hạn định phạm vi bài này, nó chỉ vạch rõ một vài trường hợp thiếu thành thực của người mình, mà tôi đã được dịp chứng kiến. Vậy thành thực trong bài này là có sao nghĩ vậy, nghĩ sao nói vậy và nói sao làm vậy. Được thế, tôi gọi là thành thực, mà có thành thực như vậy, tôi tưởng ở xã hội mới có thể chung sống và cộng tác được. Mà muốn hoàn toàn kết quả, cần phải có thành thực cả đối với mình lẫn đối với người khác. Đã gọi là thành thực phải thành thực đến cùng, hoàn toàn thành thực; không thể nửa đường nửa lối được. Hoặc có hoặc không, chứ không thể nửa có nửa không được.

Thành thực như vậy phải thích dụng trong tất cả trường hợp của đời sống, cả đời tư lẫn đời công, từ những ý nghĩ thầm kín nhất, cho đến những hành vi biểu lộ nhất. Hôm nay tôi chỉ xin nói trong phạm vi nghề nghiệp, ấy tức là cái đức tính mà người mới đã dịch pháp văn ra là «lương tâm nhà nghề». Tiếng mới nhưng sự không mới, cho nên bảo rằng dân ta chưa đến trình độ đủ «lương tâm nhà nghề» là một việc phi báng, tôi xin nhường bạn đọc kiểm dung từ đề phê. Ông cha ta ngày trước hay kể chuyện người thợ may áo cho vị quan nọ, cần hỏi quan mới xuất chinh hay đã từng trải lâu năm trong hoan hải; chuyện ông lão nuôi ong và vua Thế tổ; chuyện người thợ rèn bừa. Kể sao cho hết được tất cả các chuyện tỏ rằng dân tộc Việt Nam ta đã sớm biết trọng người tinh nghề, không những tinh nghề mà còn biết thiết tha tận tụy trong công việc của mình, làm như lúc nào cũng có một con mắt tinh vi hơn, lạnh nghề hơn mình trông nom và tỉ mỉ xem xét đến tác sự của mình.

Bây giờ kiểm dáu ra những thợ may không thừa mình sơ ý cắt xén áo, hoặc lột bằng thứ hàng rẻ tiền để chút lợi riêng, không nghĩ rằng lợi nhỏ ấy về phần họ, phải trả bằng một cái hại rất lớn cho khách hàng. Kiểm dáu ra thợ mộc không lợi dụng cái bất thòng của ta để dẫn vào giữa cái bàn đồ sộ, hay cái tủ đẹp đẽ, một thanh ván gỗ tạp để một ngày kia tủ bàn đưa nhau đổ sụp vì thanh gỗ ấy đã thành rỗng tuếch vì một khoét. Kiểm dáu một người thợ đồng hồ không

lợi dụng cơ hội mình đưa đồng hồ lau dầu để thay cốt, thay trục, thay những cái có thể thay được, rồi làm thế cho rằng chưa đủ, còn vặn ốc cho long, mài răng cưa cho mảnh, để thỉnh thoảng tháng một tháng hai, mình phải mang đồng hồ đến cho họ chữa, nghĩa là phá hoại thêm cho. Bây giờ tôi dám đánh cược với bạn đi vào một hiệu buôn nào không quen mà không khỏi bực mình về cử chỉ «không cần» của người bán hàng lẫn chủ hiệu.

Nhưng nói gì đến bậc trượng phu ít học ấy. Nỗi ngay đến bậc tự phụ là «thượng lưu tri thức» mà tinh thần về nghề nghiệp cũng kém bằng nếu không hơn. Ấy mới thật là nguy hiểm cho tiền đồ quốc gia. Tôi không muốn nhắc lại những câu chuyện ông thông ông kỹ ở các công sở tiếp đãi dân quê khi cần đến sở họ. Mong chỉ được họ nhã nhặn và tận tụy, tôi chỉ mừng được khi nào họ làm tròn hết phận sự. Đến nhà ga lấy vé đi xe lửa, ai cũng đã từng phải khó chịu về những điều hạch sách của mấy ông phát vé, nào không phải giờ — mà hỏi đến giờ «phải» thì không mấy khi được các ông chỉ cho rành mạch — nào không tiền giả lại, nào hết chỗ ngồi. Hèn nhất là cách đối đãi của họ tùy theo người mà khó dễ, người mặc sang khác người mặc hèn. Đối với những người khá nhất ta cũng phải phàn nàn rằng họ không hay giúp ích. Tôi đã từng hỏi mua vé đi chơi chiều thứ bảy, chiều chủ nhật mới về, lúc nào mua cũng hỏi giờ xe về để cho kịp sáng thứ hai lại làm việc, mà chưa đời nào được cái vé «cuối tuần», rẻ hơn nửa tiền. Mãi sau này, vé «cuối tuần» đã bãi bỏ, tôi mới được người bạn nhân dịp lần tiếp nói cho biết!

Vào thư viện đọc sách — không chỉ thư viện trung ương — ông hẳn gặp nhiều lúc bực mình vì sách ông hỏi mượn phần nhiều «đã có người mượn rồi», nhiều khi được nghe nói cả tên người mượn. Nếu ông có dịp, hay có quyền làm một cuộc điều tra nhỏ thì không những quyền sách ấy không ai mượn cả, mà dù có người mượn chẳng nữa, sách ấy trong thư viện không phải chỉ có một bộ, mà đến năm mười bộ!

Lên cao một bậc nữa, bác sĩ, luật sư, được sĩ giáo sư, người Nam ta cũng lắm ông giàu tinh cầu thả đối với nghề nghiệp, vì ai có thể tin được rằng các ông đã cần cù trong bao năm trời để học lấy một cái nghề mà các ông không ham thích, quý chuộng. Nếu đã ham thích quý chuộng sao lại có thể trốn việc hoặc giao cho những kẻ giúp việc kém mình mười mươi? Tôi chán ngán biết bao nhiêu khi được nghe một ông bạn vào hạng biết suy nghĩ bảo cho rằng ông ta không dám trao sức khỏe ông ta cho một bác sĩ người Nam nào. Đã đành rằng ông ta hỏi quả sự thực nhiều trong hạng bác sĩ ta. Nào ông này chữa cho rạn bệnh đau phù, định nhin tiêm cho mười ống thuốc rồi làm giấy đòi tiền dù bệnh chưa dầm. Rồi ông nọ buổi trưa không chịu tiếp một người bệnh vì học xương mà khạc ra máu, nhất định cho đây tờ ra bảo hai giờ hãy trở lại, vì «quan đốc đáng bận không tiếp được!». Lại một ông nữa vì vội đi ăn khách, khám một bà chữa sắp đẻ, cả quyết bảo rằng chưa đẻ được, phải hai ba hôm nữa hãy trở lại. Hai giờ sau lúc ông ta đang vui vẻ chén tác chén thù, thì bà ta đau bụng đến nhà thương ông, có đỡ ở đây gọi điện thoại tin và mời ông về, đã được ông trả lời thơn lơn rằng: «Bà ấy đã đẻ dẫu được, tôi đã bảo chưa đẻ là chưa đẻ». Mãi lúc gấp quá, gọi được ông về thì người đàn bà đã đẻ trong tay các cô đỡ! Cũng ông đốc tờ ấy chữa bệnh cho một người khác có chứng hay đau bụng, kê đơn cho một thứ thuốc chế sẵn chữa dạ dày. Sau người này kêu rằng thuốc uống đã chẳng thấy bớt, lại đang lúc không đau mà uống vào thấy đau khôn xiết, được ông ta mắng cho rằng: «Có phải là trẻ con dẫu mà khó uống thế! Người ta bảo uống thì cứ uống đi đã!». Người hầy đổi thầy, được bác sĩ sau chữa cho về bệnh sưng gan, này đã khỏi rồi.

Lại nghề giáo sư, cái nghề cần biết bao sự tận tâm và hy sinh, cũng đã bị biết bao nhiêu kẻ vô ý thức bôi nhọ. Tôi không hỏi đến những kẻ coi nghề như một mối lợi, đem sự dạy dỗ con em

làm thành một cuộc buôn bán lớn. Đối với những kẻ ấy, ít nữa chúng ta cũng thấy rõ cử chỉ rồi. Tôi muốn nhắc đến những người biết hiu cao nghề mình mà không tận tụy với nghề, bài dạy không soạn trước, chỉ biết kiếm cái sở thích vô tâm của học trò để lêu bêu ngoài với chúng, bài chấm thì không ngờ đến hoặc chấm câu thả từ một giờ sáng cho đến 2 giờ, sau một tối đỏ đen với cây bài tổ tôm hay con mạt chược hoặc thuê người chấm!

Kỳ thi đến, là một trò chơi lớn đối với mấy ông ấy. Bao nhiêu bà con thân thích, họ nội, họ ngoại, con bạn hay cháu của bạn họ được gọi, gắm với họ, đều được «trông nom» ăn tiền. Không những thế, họ lại còn lêu lẻo mang họet trò ấy gởi với các giám khảo khác, một cách rất tự nhiên. Không thể sao đến kỳ thi, các giáo sư có chân trong các hội đồng khảo sát đều phải lánh mặt gần như trốn nợ, không may ra dưng hóng gió ở bao lan là đã có người vỗ lấy.

Những cái tệ như thế đã kéo dài lâu lắm rồi. Người ta còn có thể hiểu được chừng trong lúc giao thời, những giá trị thay đổi, nhiều kẻ không xứng đáng với địa vị của họ, họ ấy hay chưa biết ngay mai ra sao. Đến bây giờ sau hơn nửa thế kỷ Đông Tây gặp nhau cuộc đời tinh thần cũng đã biết theo chiều nào rồi. Hướng chỉ, đối với một giá trị đạo đức như chữ thành, xưa kia Á Đông ta cũng trọng tin nghĩa, mà nay ta được biết Tây Phương cũng tôn thờ lương tâm, sao ta lại quên xưa mà không học nay, thành ra người vô bản! Ta không thể tin được rằng phong hóa của ta có thể suy đồi đến thế. Tinh thần đạo đức, di sản của ông cha ta để lại con tiêm tâng trong thâm tâm ta mạnh lắm. Nhưng chừng là cần phải phô trương ra, cái nào không theo được hẳn mới, thì cứ cả quyết giữ cũ, chứ không thể bồng lỏng không cũ mà cũng chẳng mới bao nhiêu cái hay của xưa hoặc của nay không giữ lấy cái nào, mà bao nhiêu cái tệ trường cửu vô thời vô xứ thì ta đều có hết. Thanh niên bây giờ đã mở mắt, nhưng còn cần phải có người chỉ đường dẫn lối, các bậc đàn anh có cái trách nhiệm lớn lao làm gương cho họ. Chúng ta mong rằng, cái trách nhiệm không thể san rớt ấy, họ sẽ gánh vác với tất cả lòng tin tưởng ở tương lai và ở bầu dân em.

NGUY-NHƯ KONTUM

Kết quả cuộc cách-mệnh Tân-hội

Mãi tận hội cuộc cách-mệnh thành công: chính-thề quân-chủ chuyển-chế của Thanh-triều đã nhường chân cho chính thề Trung Hoa dân Quốc.

Nhưng dân quốc thành-lập, chương-trình cách-mệnh đã hoàn toàn thi hành được chưa? Công cuộc cải tạo từ năm dân-quốc nguyên niên đã có những thành hiệu gì? Kết quả cuộc cách-mệnh tân hội hay giờ thế nào, đó là mục đích của bài này.

Chương trình của những nhà cách-mệnh Tân hội đại khái lấy ở Tam Dân chủ Nghĩa của Tôn đật Tiên; chủ nghĩa này là một lợi khi tuyên-truyền trong phong trào cách mệnh và kiến thiết của Trung quốc.

Trong phạm vi bài này chúng tôi không diễn giải và cũng không phê bình chủ nghĩa Tam Dân chúng tôi chỉ tóm tắt đại ý để biết qua chương-trình của cách-mệnh đảng.

Tam dân chủ nghĩa, tức là Dân tộc, Dân quyền và Dân sinh.

Hồ Hán Dân, một đồng chí có tin nhiệm của Tôn, và là một yếu nhân của Quốc Dân đảng, trong một bài diễn văn, có tóm tắt chủ nghĩa Tam Dân đại khái như sau đây:

« Có người tưởng rằng Dân tộc chủ nghĩa chỉ vụ sự độc-lập của Trung quốc, sự giải phóng của dân-tộc Trung hoa... Lại có người cho rằng Dân Tộc chủ nghĩa mưu hai mục đích: một mặt là giải phóng Trung quốc một mặt nữa là làm cho tất cả các dân tộc trong bờ cõi Trung-Quốc, tuy nói giống khác nhau nhưng cùng hưởng bình quyền. Quan niệm thứ hai tuy đã hơn quan niệm thứ nhất, nhưng cũng chưa đủ bao quát toàn bộ Dân tộc chủ nghĩa của Tôn Tổng lý. Chủ nghĩa Dân Tộc của Tôn Tổng Lý không những mưu nền độc lập cho Trung quốc và sự bình đẳng của các nòi giống sống trong cương giới của Trung hóa, mà lại còn nói một mục đích cao hơn, rộng hơn: là sau khi đã giải phóng cho Trung quốc thì còn đem chủ nghĩa ấy thi hành ở thế giới mà giải phóng cho các dân-tộc khác.

« Dân-Quyền: gần đây chế độ đại nghị các nước cốt ở dân-quyền, mà bởi vậy hạn chế quyền hành của Chính-phủ. Nhưng chính phủ mà ít quyền thì tức là ít năng lực, làm việc,

Hiến p

không được có công hiệu lắm. Cho nên có sự mâu thuẫn, giữa nhân dân với chính-phủ. Tôn Tổng Lý đã nhận thấy nên đã định nghĩa chủ nghĩa Dân Quyền một cách rõ ràng; Tôn-Lý phân biệt quyền » và « Năng ». « Quyền » thì hoàn toàn thuộc nhân dân, còn « Năng » thì thuộc trong tay chính phủ. Quyền của dân là được đề cử chính-phủ nhưng khi chính-phủ đã trọn xong, thì hoàn toàn có năng lực mà làm việc »

« Dân sinh chủ nghĩa cốt mưu sinh kế cho nhân dân. Có người cho rằng chủ nghĩa Dân sinh là chủ nghĩa xã-hội, kể thì cũng gần đúng. Nhưng Tôn Tổng lý không lấy chữ xã-hội. vì Dân sinh chủ nghĩa rộng hơn. Xã-hội chủ nghĩa chỉ mưu sinh kế cho một phần nhân dân, còn dân sinh chủ nghĩa mưu sinh kế cho toàn thể nhân-dân... »

Trên đây là một đoạn diễn văn trích ở tập « Hồ Hán Dân tối cận ngôn luận ». Có lẽ trong khi diễn giải chủ nghĩa của Tôn Văn, Hồ Hán Dân cũng có thêm ít nhiều khuynh hướng riêng của mình, hay là khuynh hướng đương thời của Quốc Dân Đảng, sau khi Tôn Văn mất đã lâu. Nhưng dầu sao, ta cũng có thể chắc rằng, chủ nghĩa của Tôn, chương-trình của Đảng vào khoảng năm Tân hội, tối thiểu là: gây nền độc-lập và hợp nhất cho Trung Hoa; rộng quyền cho dân chúng và nâng cao trình độ sinh kế của quốc-dân.

Cuộc Cách-mệnh Tân-hội đã đạt được ba mục đích ấy chưa?

1) Mục đích thứ nhất: gây nền độc-lập và Thống nhất cho Trung Quốc.— Trung quốc xưa nay vốn là một nước tự-chủ. Tuy trải qua các triều, có những triều như Mông Cổ và Mãn Thanh, nhưng đối với Trung-quốc thì những triều ấy cũng không phải là ngoại-nhân. họ không phải là Hán Tộc, nhưng cũng là người Trung-quốc. vì Trung quốc có nhiều chủng-tộc khác nhau,

Đến thế kỷ 19 sau những sự nhăm lăm của Chính-phủ nhà Thanh, hết thất bại trên trường

háp Trung-hoa

PHAN ANH

ngoại-giao, lại thất bại ở chiến trường. liệt cường đã đặt chân vào đất Trung Hoa. Do đó, nền độc-lập Trung Hoa bị uy-hiếp.

Một ảnh hưởng bất ngờ của sự ngoại hoạn ấy, là dân Tầu không những công phần với nhà Thanh vì sự suy bại, bất lực của Chính-phủ Thanh-triều, mà lại còn coi Mãn-Thanh như người ngoại-quốc đến xâm chiếm nền độc lập của Trung Hoa, Bao nhiêu phong trào cách mệnh ở Trung Hoa, về cuối thế kỷ 19 cho đến đầu thế kỷ 20 đều theo khẩu hiệu đả đảo Thanh triều như là một thứ « ngoại tào », tuy rằng người Mãn Thanh từ xưa vẫn được coi người Tầu, vì văn hóa, ngôn ngữ, tập quán giống hệt Trung Hoa.

Sự thù ghét người Mãn Thanh đến cực nào, xem đoạn văn sau này sẽ cảm thấy, đoạn văn tả tâm sự của một thiếu niên sống trong không khí cách mệnh Tân hội, lúc mới đến Nam kinh.

« Nam kinh! Tâm hồn của một đứa trẻ lúc tới Nam kinh đã cảm thấy những gì?

« Thành cao núi hiểm, lâu đài cổ kính nghìn xưa như gọi bên tai tôi:

« Ta là người Trung Quốc »

« Xưa nay vẫn là người Trung Quốc »

« Mà mãi mãi vẫn là người Trung Quốc »

« Lúc đi thăm lăng tẩm nhà Minh, là một triều chính thống người Trung Hoa, khi đi xem lâu đài nhà Minh là giòng dõi Trung Hoa, thì trong lòng tôi như có người xui đây:

« Đả đảo bọn ngoại tộc Mãn Thanh để phục thù cho dân Trung-quốc. như thế mới hả dạ anh hùng! »

(Thịnh thành Trung quốc cách mệnh trung chi mẫu-tử)

Cũng người Thanh niên ấy sau khi quân cách mệnh Tân hội lấy được Nam kinh, lại viết rằng:

« Nam kinh lại về tay người Trung-quốc, ngày 2 tháng chạp năm 1911 sau 242 năm nó lệ với người Mãn Thanh ».

Coi Mãn Thanh như người ngoại-quốc, đó không những là quan niệm của bọn thanh niên đương thời, mà chính là dư luận của những người cầm đầu cách mệnh. Bài luận-ngôn

của « Đồng Minh Hội » có bốn khoản mà khoản thứ nhất là thỏa mãn ngoại tộc Mãn Thanh:

« Người Mãn châu bây giờ, tức là người Đông Hồ thừa trước. Về triều nhà Minh, đã mấy phen quấy rối bờ cõi nước ta. Rồi nhân Trung quốc phân chia, bọn Mãn Thanh xâm chiếm Trung quốc, ức hiếp Hán dân, người không theo bị giết đến hàng ức vạn. Hán tộc ta mất nước đã 260 năm nay, Mãn châu chính phủ cùng hung cực ác chẳng khác gì dã thú. Cho nên, nay ta cử nghĩa-binh, là cốt đả đảo Thanh triều chính-phủ, để lấy lại chủ quyền cho người Hán ta... » (Tôn Văn toàn tập quyển 3 trang 2 Tuyên ngôn).

Công phần đối với chính-phủ Mãn Thanh là lẽ dĩ nhiên, nhưng coi Mãn châu như người ngoại-quốc, thì hơi lạ mà đáng lạ nhất là nguyên mục-đích cách mệnh muốn lập nhất Trung quốc, vậy sao lại có quan niệm chia rẽ chủng tộc kia?

Xét ra cho kỹ, thì lòng căm phẫn của Quốc dân đối với Mãn Thanh chỉ vì ở chỗ chính-phủ Mãn Thanh đối bại, còn thù oán Mãn Thanh như ngoại tộc chẳng qua chỉ vì ảnh hưởng của cuộc ngoại-hoạn, liệt cường uy hiếp Trung Hoa lúc bấy giờ. Mỗi lo chính của quốc-lập đương thời vậy là sự vong lộn của Trung quốc ở trước họa ngoại xâm; với những cuộc thất bại trên trường quốc-tế trong khoảng 50 năm, họa « phản quạ » treo trước mắt người Tầu cảnh tượng một nước Trung Hoa như một quả dưa to sắp bị cắt làm mấy múi. Người cầm đầu cách mệnh, đã khéo lợi dụng tâm lý bài ngoại và tình-thần quốc-gia của dân chúng hiện đương bùng bốt để đả đảo Thanh triều; Coi Mãn Thanh như ngoại-nhân thật ra chỉ là một phương châm để đả đảo Thanh Triều, chứ vị tất đã là một quan niệm bất di bất dịch.

Cho nên, sau cuộc Cách-mệnh Tân hội, Thanh Triều đã đổ rồi, tình thần quốc-gia và bài ngoại vẫn còn và rất ngày càng mãnh liệt. Sĩ phu Tầu mấy nghìn năm nay sống với chế độ Trung Quan hay đã thấy chữ Ái-Quốc thế nào, lấy tinh thần Quốc-gia mà chống lại với họa xâm lăng ngoại-quốc.

1. **minh** thân này trong lịch-sử cách-mệnh Trung Hoa, mấy năm sau cuộc cách mệnh Tân Hợi đã phải biểu một cách rõ ràng. Một vài việc sau đây đủ chứng thực.

Năm 1913, Viên Thế Khải, sau khi được Tôn Văn nhường cho chức Tổng lý Trung Hoa lập tâm đảo chính-dịnh bỏ hiến-pháp dân chủ mà tạo thành một đế quốc cho riêng mình. Nhưng muốn lập chính phủ có tiền, mà tiền thì Viện định vay ngoại-quốc. Lúc bấy giờ các nhà đại tư bản của liệt cường lập một « liên đoàn tài chính » (*consortium*) để điều đình việc cho vay tiền với Chính phủ Trung Hoa mà bảo đảm bằng cách kiểm soát tài chính của Trung Quốc. Các báo đương thời đồng thanh, công kích sự xâm lấn bằng tiền lãi của liệt cường, và tổ động nghị viện đứng ủng hộ vấn đề vay tiền. Nghị-viên khai mạc ngày 8 tháng tư 1913 : vẫn đề vay tiền ngoại quốc đương cực kỳ xói mòn. Thấy thái độ dân chúng Trung Hoa phản kháng. Tổng Thống Hoa ký đương thời là ông Wilson không chịu công nhận giúp sức những hãng tài chính Mỹ có chân ở « liên đoàn tài chính » : vì thế các nhà tài chính Mỹ đành thôi. Còn các liệt cường khác thì do dự . . . Nhưng mỗi lợi này to lắm : 625 triệu quan vàng nhà lãi 5 %. Cơ hội tốt vì chịu bồi Rời một đêm u ám (26-4-1913) trong một ngôi nhà ở Bắc kinh, chỉ nhánh của công ty ngân hàng Hong Kong Thượng Hải (của người Anh) mấy đại biểu của « liên đoàn tài chính » đã cùng với bộ hạ của Viên thế Khải ký văn tự cho vay.

Được tin, lập tức Quốc dân phản kháng, ngày hôm kia ký giấy ông Viên trưởng Thượng Nghị viện đến tuyên bố trước mặt đại biểu liệt cường là Viện không thừa nhận sự cam kết ấy.

Rồi Hạ Nghị Viện họp ngày 5-5 cũng bác việc vay tiền.

Báo chí loan quốc tổ lòng cộng-phận của Quốc dân, và buộc tội liệt cường can thiệp một cách quá đáng vào nội-chính Trung-quốc. Một nhà văn đương thời có viết :

« Âu Chàng các ông nhà Trung quốc chúng tôi rằng : « các anh vẫn sống trong sự hỗn-độn ». Vâng, thưa các ông, chúng tôi xin nhận là có phần thế, nhưng sự hỗn-độn ấy là sự hỗn-độn của toàn thế giới, chứ không phải của nước tôi »

Sau việc này mấy tháng, Viên thế Khải sẵn tiền, mua khí giới, tuyên chiến với Nghị-viện, với phân tử cách mệnh, với quốc dân.

Mà từ đó trở đi sẽ có cuộc phân chia Nam, Bắc. Bắc tức là bọn Viên và về sau này những tay quân-phiệt khác. Nam là phần tư cách mệnh cũ, trong đó có Tôn Văn và những chính khách cổ điển về sau này.

Nhưng tuy thực tại thì phân chia, phân chia về võ-lực, phân chia ở tư-lợi của cá nhân, trái lại, tinh thần quốc dân Trung Hoa vì cái thâm khốc của sự phân chia ấy, mà càng ngày càng ước hợp nhất, liên kết, và tinh thần Quốc-gia trong sự khổ sở nó nung đúc thành càng ngày càng mạnh.

Tinh thần ấy như bị hoàn cảnh kích thích : nhất là từ ngày Viên chót vay tiền đem quyền kiểm soát tài chính quốc gia cho ngoại-quốc : 121 nhân viên ngoại quốc ở Bắc kinh, 60 viên ở Diêm chính (muối) và hơn 1000 ở Quan-th thuế.

Vì không muốn thừa nhận sự xâm lấn ấy, nên năm 1923, xảy ra một việc loi thôi giữa chính phủ Quảng-đông và liệt cường. Từ ngày Viên thế Khải được cử làm Tổng lý, thì liệt cường chỉ thừa nhận chính-phủ Bắc kinh làm chính phủ chính thức của Trung Hoa. Nên thu nhập về quan thuế do người ngoại-quốc quản lý, bắt cứ ở Nam hay Bắc đều giao cho quỹ ở Bắc-kinh. Nhưng về chính-trị thì miền nam Trung quốc lại quy thuộc về chính phủ cách mệnh Quảng-đông, lúc bấy giờ (1923) có Tôn Văn đứng đầu. Tôn Văn yêu cầu liệt cường phải trả lại quyền quan thuế miền nam cho chính-phủ Quảng-đông, và trước khi trả quyền thu nhập thì phải chia số thu nhập của miền Nam cho Quảng-đông chính-phủ.

Liệt cường không thuận, rồi lại phái đại đội chiến thuyền đến Canton để thị uy.

Việc này làm cho dư-luận Trung quốc lại càng sôi nổi, càng căm với liệt cường. Trong mấy năm sau, biết bao nhiêu cuộc **đình công** và đề chế ngoại hoa đã xảy ra cũng vì thế.

Tinh thần quốc gia càng ngày càng mạnh ; trong cuộc Nam Bắc giao tranh, Bắc lại phe dựa vào thế liệt cường, Nam lại phe dựa vào quốc-dân, tinh thần ấy đã giúp một phần cho cuộc toàn thắng của Quốc dân đảng miền Nam. Năm 1928 quân của Quốc Dân Đảng vào Bắc kinh, thế là cuộc thống-phục của Trung Hoa đã thành kinh Đô Trung-Quốc Thiên và Nam kinh.

Rồi chính-phủ Quốc dân đảng, sau khi đã thống nhất được toàn quốc, yêu cầu liệt cường bỏ những hiệp ước bất bình đẳng. Bắt đầu từ đó Trung Quốc an bước vào một thời

ký khác mà ta không bắt ở trong phạm vi bài này.

Ngành trông lại 16 năm giới, từ ngày chính phủ Quốc dân thành lập (1912) cho đến ngày Trung quốc thống nhất (1928) thấy biết bao xương phôi máu chảy : cả tại mình và cả tại người nhưng đầu sao, lấy kết quả mà xem thì Dân quốc cũng có thể tự hào rằng không phải là công dự trắng xây đất.

Nói về nền độc lập, thì bao nhiêu những hiệp ước bất bình đẳng là tội của Thanh triều : nào thương tô giới, nào chịu bồi khoản. Từ ngày Dân quốc thành lập do cuộc cách mệnh Tân Hợi Trung Quốc tự ở trong vòng hỗn-độn, mà vẫn không j hải nhượng bộ thêm chút nào. Trại lại, còn yêu cầu liệt cường hủy bỏ hiệp-ước bất bình đẳng.

Nói về nền thống nhất, thì tuy có phân ly trong hơn mười lăm năm, nhưng sự phân ly ấy là do tư-lợi cá nhân xui đẩy chứ không phải vì giai cấp xã hội hay dân-tộc địa phương tương tranh. Cho nên tình thần quốc gia càng ngày càng mạnh mà sự thống nhất của Dân quốc đã có một nền tảng khác hẳn với nền tảng cuộc thống nhất của Đế quốc ngày xưa. Sự thống nhất của Trung Quốc thời quân chủ là dựa vào lòng trung quân của quốc dân với một gia tộc, mà thống nhất của Trung-quốc ngày nay là dựa vào lòng ái quốc của dân chúng đối với cả nước Trung-Hoa.

Nói tóm lại mục đích thứ nhất của cuộc cách mệnh Tân Hợi về dân tộc chủ nghĩa có thể coi là đã đạt. Không phải là đạt cả những ước vọng quá tốt đẹp của họ Hồ về sự thi hành chủ nghĩa ấy cho cả những nước ngoài, nhưng ít ra cũng là đã được cho Trung quốc,

Một vị giám nước ngoại quốc tuy không hoàn toàn tán thành công cuộc của Đảng cách mệnh Trung quốc, nhưng cũng phải nhận rằng : « Đầu sao, tượng lại nước đầu là chắc, chắc ở tay người Tàu, Nay Trung quốc mới có danh hiệu Dân quốc, nhưng sau này tri đi được mở thêm, thì cũng thành Dân-quốc thực hiệu ». (Henry Bond Restarick ; Sun yat Sen 196).

Dân quốc có danh, nhưng chưa có thực, nhưng đó lại là vấn đề khác, vấn đề thuộc về chủ nghĩa dân quyền.

2) Mục đích thứ hai : mở rộng Dân quyền. — Yếu điểm thứ hai của chương trình cách mệnh là mở rộng dân-quyền, giải thoát nhân dân sống chuyên chế.

Năm Tân Hợi chính thể quân chủ chuyên chế đã đổ, chính thể mới, thấy vào là chính thể Dân quốc. Nhưng chữ Dân-quốc rất ham hồ, không đủ xây thành một chính-thể.

Cho nên một công việc tôi quan trọng và đôi khi cần của tình thế đương thời là lập một hiến-pháp cho Trung Hoa. Hiến pháp đầu tiên thời hay vĩnh-viễn sẽ bảo đảm quyền lợi cho nhân dân và hạn định quyền hành của chính-phủ. Hiến pháp đầu khoan hồng hay độc đoán, sẽ tiêu biểu một « trật tự » mới một quy mô mới khác hẳn với thời đại chuyên-chế lợi quyền hỗn độn và mệnh lệnh rồi rạc.

Lập một chính thể có chủ-cư đó quy mô, định rõ nghĩa vụ quyền hạn của quốc dân và của chính-phủ, đó là nguyên tắc của hiến-pháp. Nhưng còn lúc thi hành, hiệp-pháp ấy có hiệu nghiệm hay không đó lại do sự khéo vụng của người khai thi o hiến-pháp.

Công cuộc lập hiến từ lúc dân quốc thành lập (1911) cho đến khi Nam Bắc thống nhất (1928) có thể chia ra làm hai hạng : một bên là những sự vận động lập hiến của chính phủ chính thức một bên là sự tổ chức hiến pháp của phái cách mệnh miền Nam.

Dân quốc thành lập ở Nam kinh sau những cuộc đại thắng của cách mệnh ở Vũ Xương và ở Hán khau (10-10-1911) thì đại biểu 17 tỉnh họp thành Quốc hội, chuẩn y một đạo hiến pháp lâm thời gọi là : « Lâm thời chính phủ tổ chức đại cương ». Hiến pháp này tức là Hiến pháp thứ nhất của Dân-quốc Đại đế phòng theo chế độ « tổng thống » (xem chính thể Tổng-thống Thanh Nghị số 35) hiến pháp này đặt một Quốc Hội, gồm đại biểu các tỉnh đã qui thuộc với cách mệnh Dân quốc, và Tổng lý do Quốc Hội bầu cử. Quyền Tổng lý cũng rộng như quyền Tổng thống, Mỹ x quân-xuất quan-đối, điều khiển chính quyền bên trong các bộ-trưng và các vụ này hành động dưới thuộc quyền của bộ-trưng Tổng lý na chỉ chịu trách nhiệm với Tổng lý chứ không chịu trách nhiệm với Quốc Hội. Các Quốc-Hội thì ngoài quyền bầu cử Tổng lý còn có quyền lập pháp, dự quyết ngân sách và ưng thuận việc khởi chiến hay đình chiến Quốc hội họp lập tức nhất ở Nam kinh lập Tôn Văn làm Lâm thời Tổng lý. (9-12-1911).

Tuy quốc dân hạnh phúc đa phần lập nhưng Thanh triều tàn cọng ở Bắc kinh. Trong khi quân đội của Quốc dân chính phủ và của Thanh

triều sắp huyết chiến để định đoạt nền thống nhất Trung quốc, thì một chính khách kỳ khôi nhập cuộc và sẽ để lại trong sử xanh Trung Quốc một tiếng « Gian Hùng ». ấy là Viên Thế Khải.

Viên vốn là bộ hạ nhà Thanh được cử việc lập quân đội theo phương pháp mới. Nhận thế, Viên luyện được một đội quân rất mạnh, có kỷ luật có khí cụ tối tân, độ 70.000 đến 80.000 người. Công cuộc ấy Viên được cử làm từ 1901. Nhưng mấy năm sau, Viên không được lòng Thanh triều, nên cáo chức. Tuy đã từ chức, nhưng Viên vẫn liên lạc với quân đội và vẫn được quân đội tin nhiệm. Trong khi cuộc cách mệnh Tân Hợi xảy ra, Viên tuy tránh mặt Triều đình nhưng vẫn chú ý đến thời thế.

Triều đình bị thất bại, bèn với viên Thế Khải ra cầm quân. Ngày 14-10-1911, sau khi Hán-khâu và Võ-xương thất thủ, Triều đình phong Viên chức Tổng-đốc Lưỡng Hồ để dẹp cách mệnh.

Nhưng Viên từ chối, Thanh triều túng kể lại phong Viên chức Thống-xuất quân đội cả miền Dương-Tử-Giang (20-10-1911) rồi mấy hôm sau (27-10) lại thăng Viên lên chức Khâm Sai thống xuất toàn quốc quân đội.

Nhưng Viên vẫn chối từ. Viên thoái thác là mắc bệnh. Nhưng thực ra đã định kế hoạch.

Triều đình đứng đầu là Thái Hậu và Thiếu quân mới có 6 tuổi, vô kế khả thi. Ngày 1er tháng 11 1911 Viên được cử làm thừa tướng.

Trước khi lên nhận chức, Viên đã bí mật thương lượng với chính-phủ các mệnh miền Nam.

Triều đình biết thế, định dời Đô chạy trốn. Nhưng quá muộn. Viên đã đem đại đội binh sỹ đến Bắc-kinh nhận chức thủ tướng, không cho Thái-Hậu và Thiếu-quân chạy thoát.

Một mặt viên dọa nạt Triều đình lấy cớ là lòng dân đã hoàn toàn quy phục dân quốc chính phủ, một mặt Viên lũng lạc dân-quốc chính-phủ lấy cớ là liệt cường chỉ đợi cơ hội Nam Bắc phân tranh mà « chia phần » Trung Quốc.

Kết quả là Thanh Hoàng bù huộc thoái-vị, và Tôn Văn cũng bằng lòng nhường ghế Tổng-lý cho Viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 1911 Triều đình xin đình chiến, và giao cho Viên thương lượng cuộc nghị-hòa với quốc dân chính phủ.

Lúc bấy giờ Viên mới công nhiên ra mặt hoạt động.

Ngày 12 tháng 2 năm 1912 Thái-Hậu thiết đại triều, bách quan tề chỉnh. Viên Thế Khải dâng lên bản dự thảo ba đạo dụ :

Dụ thứ nhất : « Nay lòng dân đã theo chính-thể dân chủ, một mặt các tỉnh miền Nam đã thiết lập chính-thể dân-quốc một mặt các tướng sĩ miền Bắc cũng ưng theo, vậy có nhẽ nào ta còn nhậm tâm cố giữ lấy ngôi quyền quý, mà ngược với lòng dân ! . . . Vậy đồng ý với Hoàng thượng ta xin giao chính-quyền cho quốc-dân, và thừa nhận chính thể Dân-quốc . . . Ta giao cho Viên Thế Khải Toàn-quyền lập chính-phủ và điều đình với đảng cách-mệnh miền Nam. »

Dụ thứ hai « ... Hoàng thượng thoái vị, nhưng vẫn giữ danh-hiệu Hoàng-đế và mỗi Năm được quốc-dân chính-phủ cấp cho 4 triệu lạng... Hoàng thượng vẫn ở Hoàng Cung và vẫn có Ngự vệ... Những lễ nghi ở miếu đường lăng tẩm thì phò thác cho Dân quốc. »

Dụ thứ ba : Đại khái khuyến nghị binh và quân-đội ai đâu vẫn ở chức vũ ấy.

Độc ba đạo dụ Thái Hậu khóc, và Vua Tuyên Thống, một đứa hài nhi lên 7 tuổi cũng khóc theo.

Quan chương ấn đóng bảo ấn vào giấy ; thế là bế mạc cuộc thiết triều cuối cùng của nhà Thanh.

Về phần chính phủ Nam kinh thì tả dực không muốn hợp tác với Viên Thế Khải. Nhưng đa số, nhất là Tôn Văn bằng lòng hợp tác, vì muốn tránh cuộc cốt nhục tương tàn.

Thế là ba hôm sau ngày Thanh-Đế thoái vị thì quốc hội Nam kinh ưng thuận bầu Viên Thế Khải làm Trung quốc Tổng lý. (15-2-1912).

Tuy bầu Viên làm Tổng lý, nhưng quốc hội, đại đa số là đảng-viên cách mệnh miền Nam vẫn không hoàn toàn tin nhiệm Viên. Vì có ấy ta sẽ thấy hiến-pháp, lúc đầu phỏng theo chính thể Tổng thống (Tổng lý rất nhiều quyền) sẽ dần dần biến thành chính-thể đại-nghị (Tổng thống ít quyền).

Ngày 15 tháng ba 1912, Quốc-Hội lập một hiến-pháp mới « *Làm thời nước pháp* », thi hành bắt đầu từ ngày 15-3-1912. Quyền lập-pháp giao cho nghị-viên » gồm có thượng nghị-viện và hạ nghị-viện. Quyền hành chính giao Tổng lý ; nhưng một điều cải cách mới : là thực quyền sẽ thu vào tay một vị thủ tướng có trách nhiệm

(Xem tiếp trang 27)

== NU'OC Y SAU TRAN ==

CHIEN TRANH 1914-1918

UC MAI

NHÂN những việc vừa xảy ra ở nước Ý, — một cuộc đảo chính lớn làm tan nát trong một thời kỳ đảng Phát Xít là đảng đã mười sáu năm nay nắm giữ quyền chính, một bản định chiến ký với Anh Mỹ, — chúng tôi muốn nhắc lại đây lịch sử của nước ấy trong khoảng hai chục năm nay kể từ 1918.

Tình-hình Ý sau năm 1918

Trong các nước Đồng minh đã thắng trận, chỉ có Ý là không tận hưởng được hết cái lợi của kẻ được. Những lời hứa hẹn trong bản hiệp ước tay ba ký ở Londres ngày 26 Avril 1915 để cho Ý dự chiến, hóa thành xương. Ý chắc hẳn sẽ được miền Trentin của Áo, miền Trieste ở bờ biển Adriatique, miền Dalmatie của xứ Yougoslavie, các đảo Dalmates, mười hai đảo Dodécanèse, đảo Saseno, miền Adalia ở Tiểu Á Tế Á. Không những thế Anh, Pháp còn hứa cho Ý bảo hộ nước Albanie mới thành lập, hứa cho Ý một ít thuộc địa của Anh, Pháp. Hợp ước Anh-Pháp-Ý ở Saint-Jean-de Maurienne ngày 27 Avril 1917 còn cho Ý cả miền tây-nam Tiểu Á Tế Á, nếu Nga ưng thuận. Nhưng đến khi chiến tranh đã xong, Clemenceau Thủ tướng Pháp, Lloyd George thủ tướng Anh bị các nước Hy Lạp và Yougoslavie kêu nài, bị Wilson giám quốc Mỹ lung lạc có ý tưởng không giữ lời hứa cũ. Hợp ước ký ở Saint-Germain ngày 10 Septembre 1919 của Đồng minh với Áo chỉ cho Ý có hai miền Trentin và Isurie. Trong khi ban cãi đã có lúc đoàn đại biểu của Ý tức giận bỏ Paris ra về, nhất là ngày 23 Avril 1919 Wilson lại gửi một bản tuyên ngôn cho toàn quốc dân Ý trong đó nhất định không cho Ý chiếm giữ Fiume và Dalmatie.

Dân chúng đều thất vọng và tức giận. Khi thủ tướng Orlando bỏ hội nghị đồng minh ở Paris về có nhiều cuộc biểu tình hoạn nạn; Nghị viện bỏ 382 phiếu đối với 40 phiếu tán thành thái độ của đoàn đại biểu.

Chuyện xảy ra ở Fiume lại càng tỏ lòng công phẫn của dân Ý đến cực nào. Fiume nguyên là một quân cảng của Áo trên bờ biển Adriatique. Ý vẫn âm le định chiếm nhưng mấy cường quốc đồng

minh ngăn ngừa chưa tính hẳn ra sao. Vì thế một đạo quân Pháp Ý hãy còn đóng ở đó. Phái quốc gia Ý khó chịu vô cùng và ngay từ tháng bảy năm 1919 đã có những chuyện lời thôi giữa lính Pháp và lính Ý rồi thượng hội nghị đến cảng Fiume cho nước Yougoslavie.

Một nhà đại ái quốc Ý, d'Annunzio, vừa là một thi sĩ có danh, bèn họp một đội quân chiến đấu toàn cựu chiến binh, với đảng viên đảng phát xít rồi trong đêm 12 rạng ngày 13 tháng chín năm 1919 tiến đến đánh và chiếm thành Fiume. Ngày 18, ông tuyên bố sát nhập Fiume vào Ý. Đội quân lúc đầu chỉ có 3.000 người, nhưng càng ngày quân cứu viện đến càng đông. Nghị viện ngày 29 tháng chín cũng tuyên bố nhận Fiume là của Ý nhưng thủ tướng lúc đó là Nitti thì lại phản đối, gán cho bọn d'Annunzio cái tên « phiến loạn » và giải tán nghị viện.

Ngày 12 tháng một năm 1920, Ý và Yougoslavie ký hiệp ước Rapallo để cảng Fiume làm một thành phố tự do, nhưng muốn thì nánh hợp trước tất phải đuổi d'Annunzio đi. Mà nhà thi sĩ chiến sĩ này đã quyền được đủ tiền tổ chức thành phố theo những thuyết nghiệp đoàn của đảng phát xít. Chính phủ bèn phái quân đội và tàu chiến đến vây d'Annunzio cho phá tan hết các cầu đi lại, ngăn hẳn thành phố ra. Quân đội chính phủ phải bắn phá trong ba hôm liền. Đến ngày thứ tư, biết rằng không giữ nổi và muốn tránh sự đổ máu, d'Annunzio xin hàng và ngày 18 tháng giêng năm 1921 thì cùng với các chiến binh của mình bỏ thành Fiume.

Những sự thất vọng càng làm cho tình hình trong nước thêm rối loạn.

Nước Ý vốn là một nước nghèo nên bị ảnh hưởng của chiến tranh rất lớn: 654.000 người chết, 400.000 người tàn tật, 1.000.000 bị thương, 900.000 tấn tàu bị đánh đắm trong số 1.500.000 tấn, 1.000.000.000 tiền nợ... Kỹ nghệ với canh nông mở mang trong thời kỳ chiến tranh ngày nay thành rối loạn. Cách sinh sống ngày một đắt đỏ. Bọn lính chiến đấu « arditi » nổi tiếng vì quả cảm ngày nay không còn biết dùng hàng hải để làm gì; các sĩ quan thái vờ không công việc xứng đáng để làm;

trước chiến tranh.¹ Ai ai cũng hăm hờ tìm chỗ dụng tài.

Các phái cực tả nhân đó bành trướng thêm ra. Nhân có cuộc điều tra về việc bại trận ở Caporetto trước đây để tìm ai chịu trách nhiệm, phái xã hội nổi lên chống kịch chiến tranh. Cách ăn chơi xa hoa quả đáng của bọn mới giàu và của bọn ăn nhờ chiến tranh làm cho phái thợ thuyền công phần. Sự tuyên truyền chủ nghĩa Karl Marx vì đó càng dễ dàng, trước kia tổng liên đoàn thợ thuyền (C. G. T.) chỉ có 300.000 hội viên nay tăng lên đến 1.000.000.

Các cuộc biểu tình của các cực phái càng ngày càng nhiều. Chủ nghĩa cộng sản được hoan hô nhiệt liệt. Thợ thuyền tổ chức thành từng đoàn đến các thành phố như Romagne, Ravenne, Bologna, Forlì, chiếm các hàng hóa, đánh thuế, cướp phá các cửa hàng. Cảnh bình không thể can thiệp vào được. Dần dần, hồng trào lan khắp nước Ý. Ở Rome, thành phố phải đóng trước tình thế mà bắt đem các thực phẩm và hàng hóa ra bán hạ giá. Trong khi đó thì ở các xưởng đều có đình công để ủng hộ thợ thuyền.

Nhiều đảng khác bắt đầu tổ chức: đảng bình dân của thợ thuyền Sturzo lập ra, có giáo hoàng Benoit XV công nhận; đảng phát xít của Benito Mussolini (lúc này mới có chừng 500 đảng viên) đảng sơ mi xanh của Federzoni, đảng quân chủ của Corradini.

Cuộc bầu cử năm 1919 càng làm tăng sự rối loạn. Vượt quá mười đảng xã hội họp ở Livourne gần 80.000 đảng viên. Trong đảng chia ra hai khuynh hướng: ôn hòa và cách mệnh. Đảng phát xít họp ở Florence lúc này đã có tới 20.000 đảng viên.

Đầu phiếu xong rồi thì phái tự do được 161 ghế trong nghị viện, phái xã hội được 156 ghế. Không có một đảng viên phát xít nào được bầu.

Giữa hăm nghị viện họp, đảng viên xã hội đều đứng dậy hát bài ca của đảng trước mặt nhà vua và cung đi ra khỏi hội nghị để không phải nghe bài diễn văn của ngài. Ngày tối hôm đó, trong phố có nhiều cuộc rối loạn làm nhiều đảng viên xã hội bị thương. Ngày hôm sau thì khắp nước Ý đều có cuộc tổng đình công 48 giờ. Trại lính bị đánh phá nhà giam bị mở cửa, cửa hàng bán khí giới bị cướp phá. Chỗ nào cũng biểu tình, chỗ nào cũng có sự kiện sấm. Nhiều tôn giáo lý lẽ cho rơi đổ. Cả nhân viên sở hỏa xa với nhân viên điện báo cũng đình công. Sự hoạt động của các bên tan ngừng lại các thủy thủ, các nhân viên xe lửa đều nhất định không trở quân đội. Các sĩ quan đi đánh đánh, có khi bị giết, chính phủ không thể che trở mới

Nội các thay phiên nhau đổ: nội các Orlando ngày 24 tháng sáu năm 1919, nội các Nitti ngày 11 tháng năm năm 1920, nội các Nitti ngày 24 tháng sáu năm 1920, nội các Giolitti ngày 30 tháng sáu năm 1921, nội các Bonomi ngày 3 tháng hai 1922, nội các Farfa ngày 19 tháng bảy 1922.

Dưới nội các Giolitti, tình hình càng rối loạn. Sự tuyên truyền cộng sản lan đến quân đội: đội quân đóng ở Ancône nổi loạn rồi đến đội quân ở Milan. Các cuộc đình công ngày một tăng. Ngày 29 tháng sáu 1921 có cuộc tổng đình công. Thợ thuyền chém các sừng, bắt chước bên Nga, bầu những cơ quan giám đốc thay cho các kỹ sư chuyên môn và các quản lý.

Từ tình phong trào lan đến thôn quê. Dân nghèo đói cướp các đại điền chủ, phá hại mùa màng, tổng tiền hay giết chết các chủ ruộng. Nội các Giolitti bỏ mặc, hy vọng rằng những phong trào đó tự nó sẽ tan đi. Quả có tan thật vì dân thợ bắt lực không tài quan nổi các sừng máy mà dân cây thì vì không có tổ chức nên tan vỡ. Nhưng những sự rối loạn đó có một phản động cực kỳ đáng sợ: là các phái tả, trường gia hay phát xít, tổ chức lại, bành trướng thêm ra ấu lấu vào phái xã hội đương chia rẽ. Sự chia rẽ của đảng xã hội lên tới cực vào năm 1921 lúc họ ở Livourne: phái ôn hòa chia ra phái cải cách, phái dân hòa và thêm đảng cộng sản vào đó nữa. Nhiều đảng viên xã hội chán nản nhập bọn với phát xít hay thôi không chiến đấu.

Không khi nước Ý bấy giờ là không khi nội loạn. Sự sinh hoạt ngừng trệ vì các cuộc đình công. Sự cướp bóc, giết người, đốt nhà như cơm bữa. Các Đảng viên các đảng chính trị giết hại lẫn nhau. Đảng phát xít cô lập bị tàn sát nhiều nhất.

Ở Venice, thống chế Fayolle và đại sứ Pháp Barreire bị dân chúng hăm dọa. Ngày 25 tháng một vì có tin sai lạc về hội nghị Hoa Thịnh Đốn, sự quân Pháp ở Turin bị phá. Chính phủ Ý xin lỗi, nhưng các cuộc biểu tình tại Pháp càng nhiều.

Trong khi đó thì đảng phát xít càng ngày càng mạnh.

Đảng Phát-xít.

Người lập ra đảng phát xít tên gọi Benito Mussolini. Ông đẻ ở Forlì, miền Romagna ngày 29 tháng bảy năm 1893; con một nhà thợ rèn, ông được đi học, đỗ làm giáo viên rồi trốn sang Thụy sĩ năm 1902. Ở nước ngoài ông làm đủ các nghề: thợ nề, phòng viên báo, phu đào đất, có lúc trong túi không có một xu nào. Rồi ông qua Đức, Áo, Pháp lang thang khắp đó đây. Ở Lausanne (Thụy sĩ) ông bị bắt vì tội vô nghệ nghiệp. Rồi ít lâu sau ông lại theo học lớp dạy kinh tế học của Vilfredo Pareto.

Lần lượt ông bị trục xuất ở hai tổng Vaud và Genève (Thụy sĩ) vì hoạt động về chính trị. Ở Zurich ông quen với bạn gái của Lenine là Angelica Balabanof và dịch chung các sách của Marx với Engels ra tiếng Ý.

Năm 1904 ông có về Ý để đi lính, nhưng mãi đến năm 1912 ông mới về hẳn chủ trương tờ báo xã hội l'Avanti.

Bị đảng xã hội công kích vì ông muốn chiến tranh để dễ tuyên truyền cách mệnh, ông bèn chò ra tờ Popolo d'Italia, cơ quan xã hội độc lập, hô hào Ý nên dự vào chiến tranh. Nhờ khéo vận động nên ông cũng hợp được mấy nghìn đồng chi.

Ra lính, bị thương, hết chiến tranh ông lại về chủ trương tờ báo nhỏ của mình. Ngày 23 tháng ba 1919 ở Milan ông lập các nhóm chiến đấu, tụ tập được chừng 500 đảng viên. Ngày 28 tháng tám, Mussolini tuyên bố chương trình 17 phổ thông đầu phiếu, dân bà được đi bầu, mười tám đi bầu, 25 ứng cử, bỏ Thượng Nghị Viện triệu tập Lập Hiến Viên, lập các nghiệp đoàn, luật 8 giờ, cho thợ dự việc quản trị kỹ nghệ, tổ chức tại vận tải, lập một đoàn quốc quân, sung công các kỹ nghệ chiến tranh, đánh thuế nặng tư sản, tịch thu các cửa cải của nhà thờ và 85% lợi tức do chiến tranh gây ra, hoạt động về ngoại giao.

Nhưng lực lượng của Mussolini còn kém lắm. Trong kỳ bầu cử năm 1919 ông chỉ được có 4.650 phiếu ở Milan và bị giam một ngày để phòng sự bất trắc.

Từ 1921 gỡ đi, đảng phát xít đã có bề thế. Bị các đảng khác tàn sát, họ đã có thể báo thù được: giết người, đốt hội quán. Ngày 4 tháng tư ở Ferzare đã có tới 50.000 đảng viên tới họp. Cuộc bầu cử năm 1921 đã mang lại cho đảng phát xít 35 ghế trong nghị viện. Khi hội nghị họp lần đầu, đảng phát xít nhất định không đến dự vì có vua Ý chủ tọa và dùng vũ lực trục xuất khỏi nghị viện ông nghị cực tả Misiano được bầu lên là vì đã đào ngũ để khỏi đi lính. Ngày 21 tháng năm, Mussolini tuyên bố với tờ Giornale d'Italia rằng mình không có liên lạc chi với số phận nhà vua. Ngày 25 tháng sáu, ông diễn thuyết ở nghị viện tỏ ý cố kết với đạo Gia tô, bày giải những ý kiến xã hội của mình.

Ngày 3 tháng tám Mussolini ký một hòa ước với đảng xã hội và tổng liên đoàn thợ thuyền. Nhân đó ông bị đảng công kích kịch liệt; ông xin từ chức, đảng không cho và nhân dịp ấy ông tổ chức hẳn lại đảng.

Ngày 7 tháng 11, đảng phát xít họp ở Rome có 2.200 nhóm với 310 000 đảng viên. Nhân viên hỏa xa tỏ ý phản kháng bãi công: hiệu quả là hòa ước ký trước kia bị xé và nội loạn càng ngày càng nhiều. Đảng phát xít lúc này đã mạnh, đàn áp các đảng khác.

Ngày 27 tháng 12 tờ báo Popolo d'Italia của Mussolini đăng chương trình của đảng phát xít độc lập lại: quốc gia với tòa thánh riêng rẽ, một mạng nghiệp đoàn, cho thợ dự vào việc giám đốc kinh tế, bình chương ảnh hưởng Ý trên thế giới, hoạt động về chính sách thuộc địa, mở mang kinh tế văn... văn...

Năm 1922 là năm đảng phát xít hoạt động giữ hơn. Bắt đầu họ kêu lại ngọn lửa Fiume. Nhân vụ một học sinh phet xi bị giết, họ bèn đánh phá dinh tổng trấn, chiếm lấy một chiếc tàu ngầm bắn vào. Viên tổng trấn Zanel'a phải hàng, và Giurati, đảng viên phet xi lên thay. Đồng minh cùng nước Yougoslavie phải chịu nhường Fiume cho Ý (hợp ước Rome ngày 27 tháng giêng năm 1924).

Chiến lược của đảng phát xít là dùng vũ lực uy hiếp chính phủ.

Họ tổ chức những toán đông đến các thành phố. Ngày 12 tháng năm năm 1922, 63.000 đảng viên do Italo Balbo điều khiển chiếm Ferzare bắt chính phủ phải trả cho đảng món tiền trợ cấp 15'000.000 livres đã hứa. Ngày 29 tháng năm, 2 vạn đảng viên chiếm Bologna bắt chính phủ phải đuổi viên quận trưởng Mori kẻ thù của phát xít. Vào tháng bảy, de Vecchi kéo quân đi đánh báo thù bọn cộng sản ở Novare. Ngày 26 tháng 7, Italo Balbo kéo quân chiếm Ravenna để báo thù một đảng viên bị giết.

Tình hình trong nước cực kỳ rối loạn. Nội các Facta đổ ngày 19 tháng 7. Lãnh tụ xã hội Turati xin nhà vua giao quyền cho đảng xã hội và muốn uy hiếp, ông ra lệnh tổng đình công. Nội các Facta lại tái lập. Nhưng các cuộc đình công vẫn kéo dài Mussolini dọa chính phủ nếu không cương quyết sẽ tự lên cầm quyền. Và đảng phát xít chiếm các công sở tổ chức việc tuần canh. Năm ngày sau thì phong trào đình công tan.

Mussolini bèn hội họp đảng viên, chiêu tập họ lúc thì ở Udine (1 vạn người), lúc thì ở Cremona (3 vạn), lúc thì ở Naples (5 vạn). Ở Udine, Mussolini diễn thuyết cực lực tán dương cần lao và tâm hồn Ý đại lợi và La mã. Ở Naples, ông diễn thuyết chê bai những bộ thượng thư chính phủ biểu mình và yêu cầu được giữ những bộ quan hệ nhất. Rồi ông đem quân đội của mình. Bộ tham mưu gồm có: de Bono, cai quản đạo quân phát xít; Michel Bianchi, thư ký của đảng; de Vecchi, Balbo, Giurati, Terruzzi v. v.

Nội các Facta có ý dựa vào phái tư tưởng giả, bèn cố mời d'Annunzio đến Rome để đối chọi với Mussolini lại phao tin rằng quân đội ác cảm với phát xít. Nhưng Mussolini quả quyết hành động. Ngày 26 tháng mười, ông gửi tối hậu thư cho Facta bắt

(Xếp tiếp trang 20)

TỶ LỖ TẤN

(1881-1936)

ĐANG THÁI MAI

thuật, một lối văn pháp đã ôm ấp mỗi cao vọng đi tìm tòi tâm lý trên những nét đặc biệt của dung nhan. Nếu như: «hữu chữ trung tất hình chư ngoại» là một câu nói không sai thì công phu của các «thầy trưởng trong sư khoa» có lẽ cũng hy vọng sẽ thành bộ môn khoa học và chỉ chờ ngày phát triển đến lịch trình tương đương nữa.

Tuy vậy ta phải hết sức dặt dè trong khi nhận xét. Số là một lối quan sát nông nổi vẫn quen thói tìm tòi cho được né kỹ di trên bộ mặt của một người xuất chúng. Một mặt nữa sau lúc đã biết tâm tính, nhân cách, thân thể một người, thì quan điểm của ta cũng rất dễ dàng bị ảnh hưởng của những hiện tượng ta đã tiếp thụ từ trước về tâm giới của nhân vật.

Nói rằng: «Lỗ Tấn là một người tầu trăm phần trăm» e khi chỉ là một câu vớ vẩn, ngay thơ làm cho người ta nhớ đến lời nói của bọn Parisiens trong cuốn Les Lettres Persanes khi họ được thấy chú Rica ở Ba Tư qua Pháp — lần đầu tiên bọn họ được thấy một người Ba Tư trong bộ y phục Ba Tư — và họ thán thỉ: «Il faut avouer qu'il a l'air bien persan!». Về phần tri thức thì tài nghệ, tư tưởng một nhà văn, xét về sự cấu tạo, về ảnh hưởng, về thực tiễn, ngoài những đặc sắc của cá tính, của chủng tộc còn bao hàm những tính cách điển hình và phổ biến nữa.

Trên bức chân dung của Lỗ Tấn, ta có thể nhận thấy những nét phổ thông dân chúng tầu về miền giữa Trung quốc. Cồn mả cao, cặp mắt trập, và đường mày xệch của người Bắc phương đã không bộc lộ ra một cách rõ rệt lắm nữa. Đồng thì, khuôn mặt và đường sống mũi đã nà nà dáng điệu miền Nam. Dưới tràm tóc đen và rậm, tầng trán không cao lắm, nhưng rộng rãi và thuần nhả; đường sống mũi cao và sắc; cặp mắt, già lông đen, có vẻ âm u, thâm trầm dưới tầng mí bình tĩnh trong khung quang sầm sầm; hai gò má đầy đặn xóa hẳn đường vòng của tướng quyền. Nếu không có nét rần rờ buồn từ chân mũi xuống khỏe miệng, thì những nỗi ân tình chua chát của tâm hồn nhà văn trên khỏe miệng đã bị râu phủ kín, và ít ai nhận thấy.

Nói tóm lại bức chân dung đã hiện hiện nhân - cách một nhà văn nhiều kinh nghiệm, giàu cảm tính mà lại điềm - đạm, thâm - trầm và bao nhiêu nỗi giận dữ, đau đớn, bức tức, vẫn không át được tâm lòng từ bi và thái độ khách quan của lý tính.

Lỗ Tấn sống rất đơn giản, đạm bạc. Trong bài «Lỗ Tấn ông tạp ức» (1) viết sau lúc Lỗ chết, một bạn đồng sự cùng Lỗ, ở trường sư phạm Hàng-Châu ngày trước, Hạ Cái Tôn viết: «Hồi ấy (1910) Chu tiên sinh còn trẻ tuổi. Tuy vậy, nét mặt, dáng điệu mấy năm sau này trông cũng chẳng khác xưa mấy. Chu không hề để ý đến sự ăn mặc. Từ tháng năm đến tháng chín luôn thấy Chu mặc một bộ áo sa tây. Tôi nhớ mãi cái áo sa tây ấy. Mùa thu năm Dân quốc thứ mười lăm, Chu ở Bắc Kinh về Hạ môn dạy học. Khi đi qua Thượng Hải, bạn bè mời ăn cơm, Chu vẫn mặc một bộ áo sa như ngày xưa. Sau lúc bắt tay người bạn già đã hơn mười năm giờ mới gặp lại, tôi lại nhắc đến câu chuyện áo sa. Tôi cười hỏi: Vẫn sa tây như cũ đấy ư? — Vẫn thế: sa tây hoàn sa tây!»

Chu giả lời tôi trong một nụ cười bình tĩnh. Thân thể của Lỗ kể rất hiếm ngày vui vẻ. Nhưng Lỗ không hề biết chán nản. Lỗ rất siêng đọc, siêng viết, đối với bạn bè, luôn luôn khuyên dục phải đọc, phải viết. Mấy năm gần chết, người ta luôn luôn nghe Lỗ nói những câu như là: «Việc ấy chúng ta phải làm, không nên để cho người khác»; hoặc là: «Nếu ta không làm ngay, có lẽ không có thì giờ làm kịp».

Với người ngoài, bất kỳ quen lạ, Lỗ bao giờ cũng lấy chí tình mà đối đãi. Trong lúc Quách Mạt Nhược, còn lưu tâm nghiên cứu về «Kim Thạch Văn» Trung Quốc, Lỗ những ngại rằng có ngày Quách sẽ bị công cuộc khảo cổ lôi kéo rồi sao những mất mục đích chung của đoàn thể. Lỗ nói: «Quách nên phải cẩn thận đấy! Người ta nói: Âm mai lấy momie, rồi cũng hóa thành momie». Thời gian đã chứng thực rằng: Quách mạt Nhược không hề trễ nải công việc khảo cổ, nhưng vẫn chưa hóa thành momie.

Trong bộ «Văn nhân thú sự» Dương xương

(1) Một vài điều kỷ ức về nhân cách Lỗ Tấn.

— Khẽ kể câu chuyện sau này :

Một ngày kia, một chàng thanh niên, vì không tìm được kẻ sinh nhai, viết thư nhờ Lỗ Tấn chỉ bảo cho một con đường, Lỗ giả lời : « Trong tình thế ngày nay, trước hết, anh đi làm một tay lục-làm vậy ! »

Ấy là lúc Lỗ còn đang chán nản với tình thế nước Tàu dưới chính-thể quân phiệt.

Người ta đã thấy Lỗ Tấn cặm cùi mấy ngày đêm chữa bài vở cho bạn bè hoặc những nhà văn chưa hề gặp mặt.

Trong bài « Vĩnh tại dịch ôn-tĩnh » (Mỗi tình êm ấm mãi mãi) Trịnh Chấn Đạc viết :

« Công Lỗ chữa tác phẩm hoặc văn dịch cho các nhà văn chưa hề quen biết lại có vẻ cẩn thận hơn một nhà giao tư tường tư nữa ! »

«...Co ngày nào một bạn thanh niên chưa hề quen biết Lỗ bao giờ, gửi một bài lai cáo đến nhờ duyệt lại, Lỗ đọc đi, đọc lại, chữa xong gửi trả. Mấy hôm sau, tác giả viết cho Lỗ một bức thư kích hệt máng Lỗ đã xoa bỏ nguyên văn quá nhiều. Tuy vậy chả bao lâu, lại gửi một bài khác tới. Lỗ vẫn chữa rất cẩn thận rồi gửi trả. Nhưng lần này tác giả lại giả lời trách Lỗ chữa ít quá ! ».

Số là Lỗ hiểu rõ lòng tự ái của nhà văn hơn ai hết. Nghe đâu đã có một lần Lỗ bị người nào chửi máng vì đã phê bình ráo riết một bài văn của họ. Có kẻ noi lại với Lỗ, Lỗ cười nói : « Là gì, văn mình, vợ người (Tự kỷ văn chương, tha nhân lão bà) bao giờ cũng hay ! ».

Lỗ là một nhà tân học. Lỗ đã lưu tâm nghiên cứu văn học nhiều nước ngoài. Lỗ đã có công phiên dịch rất nhiều danh văn các nước để giới thiệu với đồng bang. Tư tưởng Lỗ đã chịu ảnh-hương ngoại quốc, cũng là một sự dĩ nhiên. Nhưng đối với di sản văn hóa Trung quốc ngày xưa để lại, Lỗ vẫn rất yêu quý. Các nhà học giả Tàu vẫn luôn luôn nhắc đến công phu Lỗ sưu tầm những tác phẩm của tiền triều. Hồi Lỗ ở Bắc kinh và ở Thượng Hải, các nhà văn học, sử học Tàu, trong lúc ẩn nấp các tập văn cổ về Lục Triều, về đời Minh, Thanh, trong lúc tổ chức các cuộc triển lãm về nghệ thuật « Mộc khắc họa » (Vẽ chạm vào gỗ) đời trước, đều nhờ Lỗ giúp công và chỉ dẫn rất đắc lực. Những tác phẩm Lỗ đã tìm ra và sắp đặt lại bao giờ Lỗ cũng sẵn lòng để cho bạn bè nghiên cứu để góp vào công cuộc đời văn hóa. Không bao giờ Lỗ bao bọc ôm mớ tài liệu để lờ đời, hoặc để thỏa thích mới dục vọng bản thân của óc tư hữu.

Tình Lỗ trầm tĩnh, ít khi cười cợt. Nhưng đối với người ngoài bao giờ cũng ôn tồn, chân thực. Trịnh Chấn Đạc đã viết một đoạn văn rất ý chỉ về tình khăng khít của Lỗ đối với bè bạn :

« Gặp Lỗ lần đầu ai cũng cho rằng Lỗ là một người nghiêm nghị, lạnh lùng. Trên bộ mặt ốm

xanh không mấy khi thấy nét cười niềm nở. Lúc ngồi nói chuyện, giọng nói chậm chạp nhưng mạnh mẽ. Chuyện trò một buổi, dần dần người ta sẽ nhận thấy trong giọng nói của Lỗ chưa chan những chán thành đang yếu; những nhiệt tình đề cổ vũ mình; và một mối thân ái rất là khăng khít Lỗ ít cười, nhưng câu nói của Lỗ luôn luôn làm cho mình cười. Hai anh em Lỗ cùng đều là hai người nói chuyện rất thú vị. Trong buồng khách và trong phòng đọc sách (khiêm phòng ngủ) của Lỗ, người ta có thể ngồi nửa ngày trời không hề cảm thấy một lý gì là phiền nhiễu, câu thúc. Bất kỳ chuyện gì, câu nói Lỗ bao giờ cũng có những ý chỉ sâu xa và một lối giải thích xác đáng. Sau một buổi nói chuyện, ta thấy rằng: chỉ như mấy câu nói của Lỗ mà những sự bức bối riêng của mình đã giải quyết được một cách rất ổn thỏa, và tình thần mình phần chấn hầu lên ».

Có nhà phê bình đã chủ trì rằng: Triết lý Lỗ Tấn là « triết lý duy hận » và trong tâm hồn Lỗ, chỉ thấy hận, ghét, mà không thấy yêu.

Chủ trì như vậy thiệt là nhiều tình thần các tác phẩm của Lỗ một cách quá nóng nôi. Nếu ta chỉ can cứ vào một vài bài « tạp cảm » của Lỗ, thì có nhiên là ta nhận thấy rằng: đối với kẻ thù, ngòi bút của Lỗ thật vô tình, quyết đánh cho thua, cho ngã, cho chết hẳn rồi mới nghe, không bao giờ có tí gì là dung túng, thỏa hiệp. Trong các chuyện ngắn của Lỗ cũng vậy, Lỗ đã mô tả xã hội Trung-quốc bằng những câu văn tả thực lạnh lùng, tàn nhẫn, không hề dấu diếm một mảy may cho bất kỳ nhiều thực tế đáng buồn; và ta có cảm giác là nhà nghệ sĩ đã nhìn sự thực với một cặp mắt quá điềm đạm, không ghe tởm, không suông miu, không động lòng một tí nào ! Tuy vậy ta có vì vậy mà kết luận rằng Lỗ cái ghét và hận chứ không hề yêu, và Lỗ là một nhà triết học « duy hận » hay không?

Trước hết ta nên nhớ rằng « Tạp cảm » chỉ là một phần — một phần lớn, nhưng vẫn chỉ là một phần — trong tác phẩm của Lỗ mà thôi. Mà chính trong tạp cảm cũng rất nhiều bài chưa chan thiện cảm đối với người, đối với loài vật nữa. Ta nhận thấy trong văn Lỗ có những câu công kích, thóa mạ rất khắc bạc, nhưng sao ta lại đi quên những bài chan chứa nhiệt tình đối với người, với tất cả loài người, với cả vạn vật nữa ? Không, không ! Một người đã viết những thiên tạp cảm như là « Ví liệu vong khước dịch kỷ niệm » (Đề kỷ niệm những kẻ đã bị quên đi) hoặc « Đạm đạm dịch huyết ngân trung » (Trong vết máu đã lưu mờ) hoặc là « Miên hòa Thử » (Mèo và Thỏ), « Áp đích hí kịch » (Hí-kịch Vịt) quyết không phải là một tâm hồn khô-khan, độc bạc.

Trong lúc Lỗ công kích những bọn tạo-hại, hoặc bọn hoạt đầu, như bọn Cánh ấ Chiết, ngòi bút

của một nhà văn có nên vì một mối cảm tình gì mà dặt dè, mà dung túng hay không? Cũng không thể được! Là vì đối với địch nhân, nếu ta không công kích cho triệt để, không phá tan cái nã-giặc làm hại của nó, nếu nó chưa bị tiêu diệt mà ta ngấp ngừng thương hại và dừng tay thì thật là một thái độ khờ dại, viển vông. Loài người đáng yêu, đáng thương, một nhà văn chân chính không thể ghét, dằn loài người được.

Nói theo lời J. Rousseau: nếu có kẻ ghét lấy ghét đề cái loài người, thì kẻ ấy chỉ là một quái vật! Lỗ Tấn không hề ghét loài người, ghét đồng bào. Lỗ Tấn ghét một phần tử rất ít đối nhưng rất tàn-thế, rất nguy hiểm trong loài người.

Thấy rằng chúng sai lầm, thấy rằng sự sai lầm của chúng có thể hại cho tổ quốc, không công kích là hèn nhát, hoặc ích kỷ. Đã công kích mà còn e dè, còn thỏa hiệp, thì là ngốc! «Đánh rắn phải đánh chó chết nọc»! Ta có thể nói rằng: Lỗ Tấn không hề ghét người, không hề ghét riêng một người nào! Lỗ Tấn chỉ ghét cái «ác», mà đối với sự ác ta không được phép dung túng! Một lời nói chỉ lý, là hai câu thơ sáu chữ này (phải chăng của một nhà nữ sĩ nước ta?):

«Đánh lại Phật, tình như tái thế:

Nguyên thân thiên tử, tỷ thiên thương».

(Câu khải với Đức Phật nếu mai kia còn giờ lại đời đời. À-Tại xin cho thân sau sẽ có nghìn cánh tay, và mỗi cánh tay có nghìn ngọn dao).

Nữ sĩ trên đây hẳn đã hiểu rõ ý nghĩa tượng trưng của nhà mỹ thuật xưa kia đã hình dung, được Phật bằng một người có hàng chục, hàng trăm cánh tay. Một tượng trưng giàu ý nghĩa phần đầu: Bồ hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn cánh tay mới có sức hơ mà đánh đổ cái xấu trong cõi người. Mà đây là một điển tích rục rịch trong giáo chỉ của một nhân vật từ bi độ nhất trên thế giới!

Lỗ Tấn ghét sự xấu, ghét những nỗi bất bình, ghét những kẻ ác. Đó là một sự mực. Nhưng một sự mực nữa, là Lỗ Tấn yêu người, yêu loài người. Văn hiện thực của Lỗ Tấn không có những giọng bi ai những câu rên rỉ, những dấu chấm (!) để khóc thể thái nhân tình. Nhưng có vì thế mà ta nói rằng Lỗ Tấn là vô tình đâu! Chẳng qua văn tả thực là một lối văn «tác chiến». Có trông rõ sự thực, thì độc giả mới thiết tha với đời, với sự sống, mới buồn bã, bực tức và lo «tìm phương thuốc chạy chữa». Giọt nước mắt căm sâu, nét mặt âu sầu, tiếng rên rỉ thốn than của lối văn lằng mằng, vì tất đã toàn là biểu hiện một mối tình yêu thông thiết, chan hòa! Mà thái độ lạnh lùng và khách quan của một nhà văn hiện thực biết đâu không phải chính là một tâm cơ đã sắp đặt theo hệ thống, để hợp lý hóa, một mối cảm tình biết tự kiềm thúc để nhận xét sự thực cho rõ ràng, và để tìm một lối giải quyết cho xác thực, cho thấu triệt?

Ngay sau lúc Lỗ Tấn chết, một nhà học giả Trung Quốc, Phó Đông Hoa, xưa kia cũng đã có ăn xung đột kịch liệt với Lỗ Tấn, có nhắc lại một câu chuyện kỳ lạ về sự tận tâm của Lỗ Tấn đối với con Phó trong lúc cậu bé bị bệnh thập tử nhất sinh. Phó đã viết mấy dòng chữ sau này, nên dịch cả đoạn, để mà nhận rõ nhân cách Lỗ Tấn về phần tình cảm:

«Cũng có người nói: Lỗ Tấn tiên sinh là yêu ghét phân minh. Tôi cũng tin thế. Nhưng họ chưa hề chỉ rõ giới hạn sự yêu và sự ghét trên tâm khảm của tiên sinh là thế nào. Về phương diện này, tôi có thể lấy chuyện thằng bé con tôi để mà nói cho rõ ràng hơn.

«Lỗ ghét, là ghét lớp người trong thời đại của tiên sinh, rồi ghét lấy hết cả lớp người trước; Lỗ yêu là yêu lớp người còn bé ở thế hệ sau, và yêu đến cả bao nhiêu những «người chưa tới». Chỉ một câu chuyện Lỗ chăm nom thằng con tôi cũng có thể chứng minh lời nói trên đây của tôi. Số là tôi biết rằng đối với tôi chẳng hạn, thì Lỗ ghét nhiều hơn là yêu, — và có lẽ chỉ có ghét, không có yêu cũng nên! — Nhưng sự thực đã chứng rõ ràng: đối với con tôi, thì khác hẳn. Tôi đã thấy Lỗ yêu con tôi hơn cả tôi yêu nữa. Lỗ yêu con tôi là vì có hẳn một chủ nghĩa: Lỗ đã xem con tôi như một «đứa bé của thời đại», một phần tử của tương lai. Còn như tôi yêu con tôi, chẳng qua là một mối tư tình, vì tôi thấy nó là con tôi sinh ra mà thôi...».

Mấy câu trên đây là mấy lời thương tiếc của một mối chân tình, và cũng là lời tâm mộ, khâm phục, thương tiếc một nhân cách cao quý.

Kinh nghiệm, suy xét đã gây nên nhân cách Lỗ Tấn: buồn nhưng không tuyệt vọng, giận, ghét nhưng không hờ hững, nóng nảy, ao ước mà không hão huyền, phê phán mà không hoài nghi. Lỗ là người Trung quốc, nhưng cũng là người của thế-hệ thế kỷ thứ XX. Lúc Lỗ mất (1936), nhiều nhà trí thức các nước đã tỏ lời thương tiếc trong những bài truy điệu. Họ đã đồng ý với một nhà học giả ngoại quốc tuyên bố và Mâu Thuấn đã trích lại trong bài văn kỷ niệm (1): Ông G (2), — một nhà học giả ngoại quốc đã đến thăm Lỗ Tấn 17 ngày trước khi Lỗ chết và nói với chúng tôi: «Trung quốc chỉ có một Lỗ Tấn. Văn hóa thế giới ngày nay cũng chỉ có một vài người như Lỗ Tấn. Lỗ Tấn thật là quý hóa cho chúng ta ngày nay».

Ta có thể tin rằng: câu nói trên đây không phải là một câu mỹ duyệt. Nó quả đã biểu hiện tình đoàn kết chân thật giữa các nhà văn chân chính ngày nay. Lo là một người «lưu tâm phản trắc» những tâm hồn, tư tưởng, tài nghệ của Lỗ đã vượt ra ngoài giới hạn chung tộc, quốc gia và đã thanh một phần trong kho tàng công hữu của tư-tưởng thế giới.

ĐẶNG THÁI MAI

(1) Đó là: Tả u bi thống trung. (Viết trong lúc đau đớn).

(2) Viết tắt bằng chữ Tây trong nguyên văn.

CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN

II. — Định-nghĩa và nội-dung chính-sách nghiệp-đoàn

TRƯỚC hết ta phải chú ý đến mỗi điều là cá nhà kinh-lẽ chủ-trương thuyết nghiệp-đoàn quyết họ không có ý gì làm sống lại cái chế-độ nghiệp-đoàn xưa trước cuộc cách-mệnh 1789. Những nghiệp-đoàn ở thế-kỷ thứ 17, 18 hợp với một nền kinh-lẽ tiền công-nghệ. Những thợ bện không như thợ-thuyền ngày nay hợp thành những đoàn-thể lỏng-rãi có tinh-thần đoàn-kết. Họ sống chung đụng bên cạnh chủ, thường ăn cùng một bàn, nuôi họ-vòng một ngày kia cũng trở nên một chủ-nhân ông. Những quan-niệm về tiền công thích-đáng (juste solaire) và giá cả thích-đáng (juste prix) từ thời Trung-cổ còn rớt lại khiến cho những người thợ đó kiếm được số lợi-lức phải chăng và vững-vàng. Cuộc sinh hoạt về kinh-lẽ cứ theo một nhịp đều thông thả không xảy ra những biến cố đột-ngột, và tuy không mang đến cho chủ và thợ tiện của phong-phủ, súc-tích, nhưng cũng bảo đảm cho họ một cuộc đời yên-lĩnh êm-đềm.

Tình trạng đó không thể còn ở thế-giới đại-kỹ-nghệ và đại tư bản ngày nay nữa, và thực là sự diễn rõ nếu muốn làm sống lại những nghiệp-đoàn xưa để cưỡng-chế vào đó giai-cấp thợ-thuyền ngày nay đã từng tổ-chức thành công-đoàn (synd cat) có nhiều quyền lợi. Tuy nhiên người ta nghĩ rằng ở chế-độ xưa có những điều đáng giữ lấy, ít nhất là cái nguyên tắc của nó, trừ-phải phải thuận-ứng nó với những điều-kiện mới ở thế-giới ngày nay. Những nghiệp-đoàn, với sự cải-cách cho hợp với tinh-thế hiện-thời, là cái cơ-sở luật-pháp (armature juridique) cần thiết cho cuộc sinh hoạt kinh-lẽ. Ta có thể nói đó là cái định-lý (postulat) của chính sách nghiệp-đoàn.

Theo ông Gaetan Piron, giáo-sư về khoa kinh-lẽ tại trường Luật-khoa đại-học Paris (1) thì sự tổ-chức nghiệp-đoàn đặt căn bản trên ý-niệm thiết-yếu rằng tất cả mọi người cùng tham-dự vào một nghề-nghiệp nhất định, dù là chủ hay người làm công, nhà kỹ-thuật hay thợ-thuyền, đều hợp lại thành một đoàn-thể, đoàn-thể này phải có trách-

cách là một cơ-quan thuộc công pháp (organe de droit public).

Như vậy ta thấy chính-sách nghiệp-đoàn khác chính-sách công-đoàn (syndicalisme) ở hai điểm chính. Trước hết một nghiệp-đoàn gồm tất cả mọi người cùng làm một nghề hay nói rõ ràng cùng đi vào một ngành hoạt-động về kinh-lẽ, từ tầng trên tức là người chủ xướng lẫn người dưới tức là người thợ; trái lại một công-đoàn chỉ gồm những người cùng thuộc một giai-cấp, hoặc giai-cấp chủ, hoặc giai-cấp thợ thuyền. Nếu ta nhớ theo nhà văn-hóa Charles Maurras, thì nghiệp-đoàn thuộc về cách chia loại theo chiều đứng (classement vertical) mà công-đoàn thuộc về cách chia loại theo chiều ngang (classement horizontal), tức cũng như mặt địa-cầu có thể chia thành những dải ngang theo vĩ tuyến hoặc những múi dọc theo kinh-tuyến.

Điều thứ hai, ở chế-độ công-đoàn người thợ hay chủ được tự do, muốn nhập-đoàn hay không tùy ý, còn như ở chế-độ nghiệp-đoàn thì bắt buộc tất cả mọi người ở cùng một nghề phải nhập-đoàn. Những đoàn thể nghề nghiệp này là những trung-gian giữa Chính-phủ và cá nhân có tinh-cách bỏ buộc và có quyền định đoạt chủ-pháp cho tất cả mọi người và mọi tầng lớp trong một nước, cũng như Nghị-viên có quyền chế-pháp cho tất cả công dân một nước dù họ đã không tham dự vào những cuộc bầu-chọn.

Nói tóm lại sự tổ-chức nghiệp-đoàn không như sự tổ-chức công-đoàn là một việc tư, mà là một chế-độ thuộc công-pháp. Nửa thế-kỷ trước đây cái thần bí xã-hội (mystique sociale) kết-linh chúng-quanh những ý-niệm về giai-cấp và công-lý, ngày nay nó kết-linh chúng-quanh những ý-niệm về trật-tự và sức mạnh quốc-gia. Vì vậy cái quan-điểm về những giai-cấp tương phản đã đưa đến chủ nghĩa công-đoàn, tới bây giờ cái tư-tưởng « kinh-lẽ tổng thuộc chính-trị » và « xã hội tổng thuộc quốc-gia » được đặt chế-độ nghiệp-đoàn. Ta có thể kết luận rằng chính-sách nghiệp-đoàn là một chính-sách rất hợp với tinh-thần quốc-gia.

Bây giờ ta xét xem những đoàn thể nghề nghiệp tổ-chức theo những nguyên-tắc ở trên có những quyền-hạn gì? Về chỗ này các nhà kinh-lẽ chủ-trương thuyết nghiệp-đoàn không đồng ý-kiến ở nhiều chỗ. Đại-dề, theo giáo-sư Piron ta có thể chia ra làm ba loại quyền-hạn: những quyền-thân thuộc về kinh-lẽ, hoặc về xã-hội, hoặc về chính-trị.

(1) Xem tác phẩm nhan đề là: « Néo-libéralisme, Néo corporatisme, Néo-socialisme » của G. Piron.

A) Về phương-diện kinh-lẽ. — Ngh'ệp-doàn có chức-vụ « khai quang » thị trường (assainir le marché). Do sự kiểm-soát xuất-sản, nghiệp-doàn làm cho cung và cầu không mất thăng-bằng. Muốn được vậy đoàn có thể đóng cửa một nhà máy nào đó, hoặc cấm không cho dựng những kinh dinh mới, hoặc khuyến-khích hay nghiêm cấm một phương-pháp chế-lạo nào. Về quyền định-doạt hóa giá, có sự chia-rẽ giữa các nhà kinh-lẽ. Nhưng một số đông không muốn cho nghiệp-doàn được quyền đó vì dủ sao họ còn muốn để cho người kinh-doanh một chút tự-do và sáng kiến. Ngay về điểm này người ta cũng còn không đồng ý nên để quyền định giá riêng cho phải chủ hay cũng vẫn phải sự cộng-tác của phải thị.

B) Về phương-diện xã-hội. — Nghiệp-doàn có những quyền-hạn tối quan-trọng và khẩn-cấp. Là vì do đó người ta hy-vọng giải-quyết cuộc tranh-đấu giai-cấp và làm tiêu-diệt phái vô sản. Hội-đồng nghiệp-doàn định-doạt qui-uớc về lao-động (statut du travail) như nh'ng vấn-đề tiền công, tập ngh'ệp, vệ-sinh, lập ước công cộng, v. v. Đoàn cũng lo về những việc trợ-cấp gia đình, bồi thường về bảo hiểm và cả đến việc chống nạn thất nghiệp. Vì có tư-cách pháp-nhân (personnalité morale) đoàn lại có quyền kiện-cáo và có quyền tài sản. Tài sản đó, hoặc do sự trích thu vào lợi-tích của các công-ty, hoặc do sự đóng góp bắt buộc của các hội viên như một thứ thuế, khiến cho đoàn thiết lập và theo đuổi những công-cuộc xã-hội đại-khải như làm nhà cho thuê rẻ tiền, lập công-viện hoặc thao-trường v. v.

C) Về phương-diện chính-trị. — Người ta mới thực là phân vân, không biết có nên cho nghiệp-doàn quyền-hạn gì không. Có người muốn nghiệp-doàn chỉ được đứng ở địa-hạt kinh-lẽ thôi, vì người ta đã kinh-nghiệm rằng sự can-thiệp của các công-đoàn vào chính-trị ở vài nước đã chỉ làm cho nền chính-trị các nước đó rối loạn và uy-quyền quốc-gia vì đó mà giảm đi rất nhiều. Nhưng trái lại có người muốn cho nghiệp-doàn quyền hạn rất rộng về chính-trị. Đại-khải, theo họ, một trong hai hội-nghị của quốc-gia sẽ gồm có những đại-bi'u của các nghiệp-doàn, hội-nghị đó thường là để thay cho Thượng nghị-viện. Như thế thành ra trong nước có hai hội nghị ngang nhau: một viện bầu theo nền tảng địa-phương, một viện theo nền-tảng ngh'ệp-ngh'ệp. Nhưng một số nhà kinh-lẽ không muốn hội-nghị nghiệp-doàn có những quyền-hạn ngang hàng với hội nghị dân-chúng, mà chỉ là một cơ-quan tư-vấn có chức-vụ là phát biểu những ý kiến, huấn-thị về tất cả những dự án hoặc đề-nghị của các đạo luật có liên quan đến cuộc sinh-hoạt kinh-lẽ trong nước.

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

VÀI TƯ-TU'ỞNG VỀ NHỀ BẮT-DIỆT = CỦA R. TAGORE =

V. H. dịch

NHỮNG thánh-kinh ở Ấn-Độ có nói đến Vũ-trụ như một quả trứng. Như vậy quả trứng hẳn phải đựng một sinh-vật nó sẽ thành hoàn toàn khi đã tách vỏ cái vỏ cứng, mà chui ra để sống một đời phóng khoáng hơn.

Hệ vũ-trụ còn cho ta đồ bề dướng và nơi ẩn náu là vũ-trụ còn vậy kìn lấy ta. Cái vòng cảm-giác và tư tưởng có những giới hạn chật hẹp; giới hạn ấy là cái vỏ Quả-trứng — Vũ-trụ nó giam cầm đời sống tâm-lý của ta. Nếu ta có thể nhích giới hạn ấy ra, chỉ một ly thôi, nếu một vài tia sáng vô hình có thể xuyên qua cái thể giới thuộc quyền tri-giác của ta, nếu những nhịp điệu mới của tạo-hóa có thể làm rung động những sợi giây tương cảm thêm vào giác quan của ta, thì tức khắc hình sắc vũ-trụ sẽ thay đổi hẳn. Thoát ra khỏi cái vòng cảm-giác và tri-giác, vươn tới một cảnh tự do rộng rãi hơn đó là ý-nghĩa của nh'ề Bắt-diệt. Ở trong cảnh giam cầm hiện thời, ta có thể tưởng-tượng được cái thể-giới mới mẻ ấy chăng? Với tất cả những hiện-tượng xảy ra trong lòng vô trứng, con gà con kia có thể tạo được một ý tưởng về cái vũ-trụ mà sau này nó sẽ sống trong đó không?

« Bộ cánh mới nhú lên đã kìn đạo chống lại cái đời sống thường là thụ động ở trong lòng vô trứng. Cũng tí như thế. Trong cảnh giam cầm mà ta đang sống, cho đâu đời ta

một phần lớn phải theo những luật-lệ của sự vật, ta vẫn hằng mơ ước được phóng thích để rứt những giây giằng buộc hình như vĩnh viễn. Ấy là tâm hồn ta đã mọc được đôi cánh để một ngày kia có thể vỗ mạnh bay cao.

Nếu bắt-diệt chỉ có nghĩa là giữ được kiên cố cái vỏ cứng bao bọc mình, thì ta có thể cho là đôi cánh bắt lực kia đã bị những rào giậu vĩnh viễn ngăn cản, do sự phản-động của một sức mạnh ác nghiệt. Nhưng ta không thể cho như thế được. Thế-nhân lúc nào cũng mơ ước giải phóng những cái gì thuộc về hiện tại, những cái gì có vẻ thành-tự.

Ở hẳn, cái tinh-thần làm chủ đời sống vật chất đi tìm sự trường-cửu, nhưng cái tinh-thần thiết-tha về nh'ề bắt-diệt lại đi tìm sự giải-phóng.

« Đời sống của cái hạt trong quả khác hẳn đời sống khi nó mọc thành cây. Cuộc sống bùng bít trong những bức tường ngăn nó vây kìn lấy tâm-hồn ta, cuộc sống trong cái vòng chật hẹp của tri-giác tất phải khác hẳn cuộc sống của một tâm hồn đã được phóng thích, khác đến nỗi ta không có thể tưởng tượng được cuộc sống ở bên ngoài như thế nào khi ta còn bị giam cầm trong cái vỏ cứng của bản-ngã. Vì vậy, khi mong ước một đời sống bắt-diệt, ta cần khẩn được trường-cửu những thói tục mà ta vẫn làm, (Xem tiếp trang sau)

Xong nếu nghiệp-doàn chỉ là một cơ-quan hoàn-toàn có tính-cách kinh-lẽ và xã-hội, khác gì nó chỉ là một cơ-quan tư-vấn không có quyền-hạn thực sự về chính-trị, thì một vấn-đề nên lên. Người ta tự hỏi như thế Chính quyền có nên can thiệp vào sự hoạt-động của tổ-chức đó không và nên có thì giới-hạn sự can-thiệp sẽ như thế nào. Ở đây ta cũng thấy sự bất đồng giữa các nhà kinh-lẽ. Tất nhiên ai cũng hiểu chính-sách nghiệp-doàn không phải là một chính sách tự do, vì rằng người ta lại muốn biết nó có phải là một trong những thuyết chế-trương quốc-quyền hay không? Ở trên tôi đã nói chính-sách nghiệp-doàn ở nước Pháp ngày nay đứng giữa chính sách tự-do và chính sách quốc-quyền. Nhưng sự thực ta phải nhận rằng nghiệp-doàn chủ-nghĩa thiên về quốc-quyền nhiều hơn. Dù sao ta cũng nên biết về quan-điểm đó có hai thuyết khác nhau. Một thuyết gọi là Nghiệp-doàn tự trị (Corporatisme autonome), chủ trương rằng mỗi nhà tổ-chức thành một nghiệp đoàn có tư cách tự lập, nghĩa là tư quân-tự lấy mình. Có quyền quyết-định định-doạt giải-quyết những vấn-đề thuộc lợi riêng của nghề như qui-uớc về lao-động, kiểm-soát xuất sản và cả về cả giá hàng. Thuyết thứ hai, gọi là Nghiệp đoàn tông thuộc Chính-quyền (Corporatisme subordonné au Pouvoir politique), được nh'ều nước hưởng ứng và thực-hành như ở Ý, Đức, Áo, Bồ-đào-nha. Sự thực, ở các nước đó, chính-sách nghiệp-doàn thiết-lập đồng thời với một chính-thể độc-tài, và xem ra hai chế-độ đó, kinh-lẽ và chính-trị, thực là « tương đắc ». Ở đây ta có thể nói được rằng thuyết nghiệp-doàn không phải là một thuyết ngược lại Quốc quyền mà chính lại bổ trợ cho thuyết này. Dù là ở nước Pháp theo lời quốc-tử-trong Pétain, sự thi hành chính-sách nghiệp-doàn, không phải là theo gương mấy nước độc tài, nhưng quyền hạn của Chính-phủ trong các đoàn-thể nghề nghiệp cũng thực rộng rãi. Người ta nói rằng Chính phủ không chỉ uy mà chỉ tổ-chức và kiểm-soát, nhưng thiết-tưởng giữa quyền kiểm-soát và nhất là quyền tổ-chức với quyền chỉ-huy cương-giới thực cũng phân vân. Chính quốc-trưởng Pháp cũng nhận rằng ý-niệm một chính sách nghiệp-doàn tự-trị, nghĩa là hoàn-toàn tự-do trước Chính-quyền để định-doạt, chế-pháp cho nền kinh-lẽ một nước chỉ là một ảo tưởng và sự can-thiệp của Chính-phủ rất cần-thiết dù chỉ là để hướng dẫn một cách xa-xôi nền kinh-lẽ quốc-ga.

ĐỖ ĐỨC DỤC

KỲ SAU: III. — GIÁ-TRỊ CHÍNH SÁCH NGHIỆP-ĐOÀN

NGHIỆP ĐOÀN

CHÍNH SÁCH

VÀI TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang trước)

những tiện lợi mà ta vẫn hưởng, thành thử quên rằng cái nhẽ bất diệt là ở sự vượt lên hẳn những hình-thức nhất định của đời hiện tại, để theo đuổi cái sự thực vô cùng tận của nó. Những người nghĩ rằng ý nghĩa đời sống là gìn giữ được vĩnh viễn những hình-thức của nó mà đối với ta rất quen thuộc, thật chẳng khác gì những bác biển-lặn kia không hề hễ rằng ý-nghĩa đồng liền chỉ biểu-lộ khi người ta tiêu nó đi. Khi người ta biến đổi cái biểu-hiện ra thành sự thực».

• Có nhưng người có một quan niệm linh hợp về nhẽ sống, chỉ mong ước đời sống được trường cửu sau khi chết, bởi vì họ chỉ mơ tưởng sự vĩnh-viễn chứ không tìm tòi nhẽ chí-thiện; họ tưởng vọng rằng những vật quen thuộc sẽ tồn tại mãi mãi. Trong trí, họ

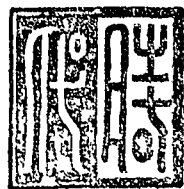
tự đồng hóa mình với cái hoàn cảnh bất di-địch, với những cái họ đã thấu-nhận được; và rồi bỏ những thứ ấy, đối với họ, là chết. Họ quên rằng cái nhẽ sống chân xác là phải vượt lên cuộc sống, và càng vượt lên lại phải tự thoát ra ngoài bản ngã. Cái quả dính chặt vào cuống, cái vỏ dính chặt vào thịt, thịt dính chặt vào hạt, trong khi quả chưa chín. Trong khi nó sẵn sàng để theo đuổi cuộc sống khác. Cái nhân và cái vỏ ngoài chưa hoàn toàn phân-biệt, và cái quả chỉ chứng tỏ sự sống bằng cái sức cứng và dai. Nhưng khi quả đã chín thì nó mềm dần, thịt bết thành một chất thơm, ngon, sẵn sàng tự hiến cho người thêm muốn. Chùm chóc nỡ rã; mà nó không thấy đau; ngọn cuồng phong rút nó ở cành rơi ra lẫn vào cát bụi; mà nó không bị tiêu hủy. Nó chứng tỏ sức bất-diệt bằng sự hi-sinh»

RABINDRANATH TAGORE

V. H. dịch

(theo bản chữ pháp của
Madelaine Rolland)

**ĐÁ
CÓ
BẢN**



NHÀ XUẤT BẢN THỜI-ĐẠI

== Số 214, Hàng Bông — HÀ NỘI ==

Ngân-phiếu đề cho: Ô. ĐỖ-HUÂN

ĐẠI LÝ KÍP BIÊN THU DÀNH TRƯỚC SỐ SÁCH MÌNH CẦN BÁN

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ

Giá: 1\$25

Một bức thư cần kíp gửi cho anh.
của HOÀNG-ĐẠO-THÚY

TRUYỆN CỎ NƯỚC NAM

Giá: 2\$80

«...Làm người Nam nên biết truyện cỏ nước Nam. Tinh thần người Nam hiện ra ở đây, tinh-hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đây.»

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC

VIỆT-NAM NHẠC PHỔ

Đã có 4 bản, mỗi bản 0\$20

Những điệu chèo cổ do Nhạc-Sĩ NGUYỄN XUÂN-
KHOÁT ghi chép bằng ký-âm-pháp Âu-tây.

TỐI hôm ấy, tôi ở Hải-phòng ra ga, về Hà-nội. Tôi có vé ô-tô-ray khứ hồi nên không vội vã, lững thững đi bộ, người nhẹ vì không mang hành lý và vui thích ngắm cảnh ồn ào, tấp nập, chung cho cả phố ga.

Tôi đang đi chợt có một người đến bên, mà tôi không biết hẳn vụt hiện từ chỗ nào. Hắn lễ phép ngả mũ, một cái mũ dạ cũ, bẩn vì những vết dầu máy, và hỏi tôi rất khẽ:

— Thưa ông, ông về Hà nội?

— Phải. Thế làm sao?

Hắn nhìn trước, nhìn sau, rồi sun soe:

— Thưa ông, tôi có chiếc xe thuê xuống đây bây giờ về không (hắn trở một cái ô tô hòm, đỗ cách đây chừng vài chục thước). Xin mời ông lên, chúng tôi xin tính rẻ.

Tôi hiểu ngay đây là một anh tài muốn « làm một chuyến » sau lưng ông chủ. Thoạt tiên tôi đã không thích, vì vẻ khúm núm vị

lợi, giả dối của anh « tài thi » ít, nhưng phần nh ều vì tôi ghét những sự man trá, trái phép. Tôi trả lời:

— Cảm ơn bác, tôi không cần. Tôi có vé ô-tô-ray rồi.

Anh tài cố nài:

— Dạ, thưa ông, cháu cho xe đi ngay (Tôi đề ý trong cách xưng hô hắn đã lúi một bậc). Xe Ford mới, tốt lắm! Thế nào cũng chỉ mười giờ đêm là về đến Hà-nội. Ô-tô-ray thì mười một rưỡi mới tới. Cháu xin xếp ông ngồi trên, và chỉ xin ông năm hào thôi.

Nên biết rằng hồi bấy giờ cái gì cũng rẻ, và giá hắn chào đó là một giá hời, so với tiền ô-tô-ray, chín hào một lượt. Song sự đó không lợi gì cho tôi. Tôi chỉ thấy lòng hơi siêu vị cái viễn thị được về Hà-nội sớm hơn giờ tính trước. Như vậy tôi sẽ có thì giờ làm vài việc riêng trước khi đi ngủ. Nhưng tôi vẫn còn một chút hiềm kỵ, như khi người ta bị rủ làm đồng lõa trong một việc gian. Muốn theo đường ngay ngắn, tôi toan đi thẳng về khỏi phân vân. Nhưng hình như đoán biết chỗ yếu của tôi, anh tài thêm đơn dả và tràn tuôn hứa hẹn:

— Thưa ông, xe êm tuyệt, ông ngồi dễ chịu hơn ô tô ray bao nhiêu! Mà chỉ một loáng đến nơi! Cháu đã kiếm được mấy người, chỉ thêm ông nữa là đủ, cháu xin chạy ngay lập tức. Ô tô ray thì chín giờ mới đi, mà bây giờ mới tám rưỡi, ông

ĐỌC

Đ
U'
Ờ'
N
G

== HƯỚNG MINH ==

đợi mất bao nhiêu thì giờ! Vậy xin mời ông lên cho. Cũng là một sự ông giúp cháu, ông vừa tiện việc mà cháu lại ơn ông.

Ý quả quyết của tôi bị ngã, tôi theo anh tài lên xe. Hắn còn nói với tôi, giọng đắc thắng và lau lỉnh:

— Nếu đời xếp có hỏi, ông làm ơn nhận cho là ông chủ. Không việc gì đâu, nhưng ông cứ nói cho như thế.

Tôi gật đầu mà không đáp, trong lòng hăm hực vì mình đã tỏ ra nhu nhược, để anh tài lợi dụng được thế xâm lấn! Mà hắn đã chịu cho xe đi đâu! Hắn còn ra đầu phố, mời thêm một người khác nữa, tuy xẹt đã chật. Gần nửa giờ qua, hắn mới trở về. Vạ sau cùng xe mới chạy. Tuy nhiên, khi ra khỏi thành phố, gió mát lùa tràn vào xe và ánh trăng biếc rọi trên cánh đồng bát ngát hai bên đường, đã mau gục thư thái lại cho tôi. Ngồi dựa đệm êm và duỗi dài chân ra đang trước, tôi để mình chìm đắm vào giấc

trời biêng, nó làm ngưng đọng cả tâm tư và trau ngập người tôi trong một te liệt rất là khoan khoái. Những cây cối, những dịp cầu, những bóng người họa hoằn gặp, thấy đều lướt phẹt đi, như chuỳ qua tâm hồn tôi, mà tôi không làm một gắng sức gì để giữ những hình ảnh ấy.

Tôi đã quen anh tài sẽ ngồi bên, và cả những ý khó chịu ban nãy, thì bỗng hẳn yên tiếng bão người phụ việc thu liễn. Tôi thấy hắn đòi những khách đi Hải dương sâu hào, và những người khác hơn hay kém số ấy, tùy theo xa gần. Mọi người nhao lên kêu rằng hắn đã nói giá hạ khi mới họ lên xe, vậy mà bây giờ hắn lại tăng hơn cả ô-tô-ray! Những lời qua lại ồn ào mỗi lúc một thêm kịch liệt. Nhưng anh tài xé to tiếng hơn cả, cái lắp liếm sự giờ giọng của mình và bắt đầu nói hớn:

— Đi xe riêng, ô tô Ford, mà lại đòi trả rẻ! Của đâu thế? Hừ! Muốn rẻ thì lên xe hỏa hạng tư! Đây không phải nơi nhiều. Nếu không chịu thì dẫu đổ cho má xuống ngay!

Bấy giờ là ở giữa đoạn đường dài thăm thẳm, chung quanh không làng mạc, mà chuyên ô-tô ray cuối cùng thì đã vượt xe từ ban nãy. Quân vô lại thật đã chọn đúng lúc để làm tiền! I rước thái độ du côn của hắn, muốn được êm chuyện, mọi người sau đành trả đủ, với những tiếng lẩm bặc, lầu bầu trong miệng, nó là sự phản kháng bất lực của

những kẻ thua. Người hăng hái nhất lúc trước bây giờ cũng chỉ còn thuyết lý xuống vài câu, để khỏi mất hẳn thể diện. Nhưng anh tài không cảm động. Hắn cười gằn, Cái cười khinh miệt, sỗ lá và già-thách.

— À thôi! xin ông nhé! Tôi không cần ai dạy khôn. Hà! ở đời biết ai dại, ai khôn?

Thế là im cả. Mọi người làm ngơ, quay ra nói chuyện thi thảo. Tôi đợi đến lượt tôi và bắt đầu hỏi hân vi lúc trước đã không nghe lẽ phải. Tôi thấy cuộc gặp gỡ này là một trùng phập hiển nhiên, chóng vánh cho sự mềm yếu, nhẹ dạ của tôi. Lòng công phẫn đã sôi đến cực điểm, nhưng tôi cố nén để điềm tĩnh mà đối phó. Tôi không muốn đòi được ưu đãi đối với những người đi cùng xe. Nhưng tôi tức vì thấy sự vô sỉ, ngang ngược đàn áp sự hiền lành, chân thật. Những lời tiếu trợn, xác xược của tên tài xế đã quất mạnh vào não cân tôi, bị căng lên đến tận cùng ngay từ lúc đầu, khiến tôi đau nhói như chịu những roi đòn tàn khốc. Tôi nhất định bắt phải kính nể nhân cách của tôi. Và tôi đợi.

Nhưng tôi ngạc nhiên thấy tên tài xế yên lặng cầm tay lái. Xe cứ đi. Hết cây số này đến cây số khác lùi trốn dưới đường, hẳn không nói gì với tôi hết cả. Hân quên tôi? Không lẽ nào! Hân đoán chừng tôi là một địch thủ không dễ dàng, nên còn tìm cách chằng? Có thể là như thế! Hay hân trông tôi au mặc sự hơn người khác, mà có ý nể? Không lấy gì làm chắc chắn. Dù sao, tôi cũng giữ vẻ thản nhiên, chậm thuốc lá hút và bắt chéo chân ngồi ung dung, như đã trả tiền rồi.

Xe gần đến Hải dương-Cầu Phú hương đã giương hình không lồ trên đám cây xa, vẽ mình như cái mạng sắt đen với những rằm bán nguyệt giữa vùng trời biếc nhạt. Thấp thoáng người ta thấy anh đèn thanh phố nhấp nháy ở chập mây, như những con mắt gian xảo và quỷ quyết.

— Ông cho tiền!

Tôi giật mình quay lại. À bắt đầu đây! Chiến thư đã hạ. Tôi lặng lẽ móc ví, đếm đăm bào đưa cho anh tài xế,

— Bao nhiêu đây ông?

— Số tiền mà bác đã biết đấy.

— À không được, ông cho hơn!

— Hơn là bao nhiêu?

— Đùng một đồng!

— Tôi không có một đồng. Tôi chỉ giả theo giá bác nói ở Hải phòng.

— Nhưng bây giờ tôi không lấy thế, ông bảo sao?

Tôi bỏ tiền vào túi và giờ điệu thuốc lá, đập ngón tay cho tàn rơi xuống sàn xe:

— Thì khi nào bác nhất định lấy bác sẽ bảo tôi. Tôi không có hơn!

Anh tài quay sang tôi, sừng sộ:

— À, gớm nhỉ! Tôi xin cậu đấy à?

— Tôi cũng không xin anh!

— Mọi người trả đủ, nhà cậu là cái thá gì mà không trả tôi?

— Đó là việc của mọi người. Các ông các bà kia trả anh thế nào tùy ý; nhưng tôi chỉ trả theo số đã định. Chứ không phải là tôi không trả. Anh đừng vu cáo!

Anh tài bèn gỡ cái khi giới đặc dụng ban này, hăm xe lại và bảo tôi với một giọng ôn tồn đầy dọa nạt:

— Vậy thì mời ông xuống đây!

Tôi bắt chân chữ ngũ, ngã người vào thành ghế đáp rằng:

— Anh nói dễ nghe nhỉ! Nếu anh tưởng tôi xuống đây thì anh lầm. Tôi muốn rằng anh trở tôi về đến Hà nội! Mà nếu không thì anh hãy đuổi ô tô ray đề tôi lên đó. Vì sự thực tôi đã ghét cả anh lẫn xe anh!

Tên tài xế hùng hổ giơ nắm tay, và trong bóng tối tôi tưởng trông thấy đôi mắt hân nảy nhiều tia lửa:

— Ghét thì ghét, làm gì nhau tốt? Có giỏi chơi nhau!

Một hơi nóng bừng như đốt đầu tôi. Tôi đứng thẳng người lên và chỏ tay vào mặt tên tài xế:

— Anh đừng có hỗn! Tôi bảo cho anh biết: nếu anh chạm vào má lông chân tôi là không xong, tôi không phải là người thêm độ sức với anh!

Từ lúc bắt đầu cuộc cãi vã, mọi người trong xe thấy đều lặng yên nghe. Khi thấy sắp xảy ra cuộc ẩu đả, hai ba người mới dừng tay can tôi và giữ tay anh tài xế. Một người nói, giọng rề rề:

— Bác tài phải biết điều một chút! Khon không qua lễ, khoe không qua lời! Ông ấy là người đứng mực, nói năng hợp lẽ, bác phải coi trọng ông ấy mới được! Nếu không thì chúng tôi đây cũng can thiệp, chứ không để cho bác hoành hành. Vì những lời ông ấy nói đó cũng là nói cho chúng tôi. Bác phải cho xe đi!

Tôi nhận ra tiếng người đã thuyết lý ban này. Trong lúc đang phẫn nộ, tôi không suy nghĩ gì, quay lại phía sau nói to lên rằng:

— Các ông, các bà coi đó! Anh tài này coi thường mọi người và pháp luật. Hân tưởng như trên đầu không có ai, muốn dọc ngang thế nào cũng được. Nhưng tôi muốn cho hân biết một điều: là khi nào làm việc trái phép, hân không phải chỉ cứ khéo léo là đủ, nhưng cũng còn cần phải nhẹ nhàng lễ độ. Các ông các bà và tôi, chúng ta thấy đều không nghĩ chính khi bước lên xe này. Chúng ta đi xe tiện không có phép trở hành khách, nhờ vậy tai nạn gì không có bảo-hiêm nào đền. Ta tưởng là việc nên mới chịu những nỗi bất trắc ấy. Thế mà anh tài lại muốn làm phách, ra lệnh cho mọi người theo! Nhưng không thể thế được! Tôi, tôi,

quyết sẽ làm cho hắn hiểu rằng ngoài bản lại còn có những luật lệ khác!

Tôi ngồi xuống. Những câu nói ồn lên cùng một lúc ở sau lưng tôi cho tôi biết rằng những lời của tôi đã nhóm tức giận trong lòng mọi người và thu được họ về phía tôi. Tên tài xế thấy thế mình hoảng, đánh đũa tay gạt cái cần máy hãm, và lại cho xe chạy như thường. Tuy nhiên, bản vừa làm vừa nói ở trong miệng:

— Luật với lệ! Hách dịch ghê chưa? Làm như ông tướng ấy!

Tôi bảo hắn:

— Anh hãy im đi mà lái xe cho tử tế!

Hắn cũng chưa im, còn lăm băm vài câu, nhưng tôi không đáp nữa. Tôi hiểu theo điệu bộ ấy là hắn lui rồi. Lúc ấy hắn khác nào con chó bị đánh ọp tai chạy nhưng vẫn ngái cổ kêu ăng ăng. Cứ đề mặc rồi tự khắc nó sẽ thôi. Và chẳng tôi cũng mệt. Sự kích thích vừa rồi, giữa lúc tôi đang thông thả, đã bắt tôi vận dụng nhiều năng lực tinh thần. Sau khi chút cái khi nấy, tôi thấy cả người tôi bồng bềnh một cách lạ, như vừa mới đánh nhau thực sự. Song tôi không khỏi mừng rằng tôi đã thắng dễ dàng hơn tôi tưởng nhiều. Và cái xếp bắt ngờ của tên tài xế cho tôi biết là tôi đã đánh trúng lắm. Câu dọa nạt sau cùng của tôi có tất cả cái hiệu quả mà tôi muốn.

Đến Hải Dương. Xe đỗ ở đầu tỉnh. Bốn hành khách xuống. Người phụ việc tên tài xế cũng xuống và bấy giờ tôi mới nhận ra rằng hắn đã không dự gì vào cuộc săn sát. Thừa lúc tài xế theo hắn ra một góc dặn việc riêng, một người đến vỗ vai tôi:

— Ông cho nó một bài học như thế là đáng lắm! Tất cả chúng tôi đều hả dạ. Nhưng hình như chỉ có một mình ông về Hà nội. Vậy ông nên coi chừng! Chúng tôi tiếc rằng không đi được cùng ông. Dọc đường ông nên giữ mình cẩn thận, quân tiểu nhân nó thù, có sự không hay chẳng!

Vẫn là tiếng rề rề của cái ông thuyết lý ban nãy! Tôi ngẩng lên. Đó là một người trạc ngoài ba mươi, mặt cũng thường, thân gầy như bạc, mặc áo the, tay ôm một cái cặp da cũ, và cả người để lộ ra vẻ một ông giáo ở thôn quê. Tôi không giữ được mình, mỉm cười và vui vẻ trả lời:

Xin cảm ơn ông. Ông không phải lo về tôi. Tôi phải làm gì nữa thì tôi sẽ liệu. Chắc không có gì đâu, ông cứ yên lòng.

Tài xế trở lại. Ông giáo — cứ tạm gọi là một ông giáo — bắt tay tôi một cách nhiệt liệt và cảm động. Xe lại đi. Trên xe chỉ còn có ba người: một hành khách ngồi sau, tài xế và tôi. Đến Bần Yên Nhân người kia xuống nốt, thành thử còn độc mình tôi trở lại!

Tôi nhớ lời dặn của « ông giáo » và trong lòng bắt đầu thấy trợn. Những ý nghĩ hoang mang

đến quần óc tôi. Tôi lý luận với mình hoài rằng không có gì đáng ngại, rằng dù sao tôi cũng biết tự vệ — tôi là người lớn! — nhưng vô hiệu! Chỗ ngồi của tôi tự nhiên trở nên khó chịu. Hình như có kim châm dưới đệm, hay có cái gì lạnh lạnh ở đằng sau gáy! Bấy giờ giá mới gì tôi cũng bằng lòng đổi ngay để được ngồi xuống khoảng sau, cách biệt anh tài. Nhưng tôi không muốn tự ý xuống, e hắn đoán được lòng tôi. Hắn đã chằm một điều thuốc lá, và từ lúc cãi nhau đến giờ, hắn chìm mình trong một yên lặng moi rơ. Mỗi lúc tàn lửa đỏ rực ở đầu thuốc lóc lên, tôi lại nhìn thấy mặt hắn, trong chớp nhoáng, nổi bật thành những gò và những nét đáng sợ, rồi chìm ngay vào bóng tối. Hai cánh tay trần của hắn, lần bập thit, ghì lấy vành lái bằng những ngón thô lỗ và gân guốc, tôi tưởng tượng khi đặt vào cổ người nào sẽ thit chặt lại như một cái máy kẹp bằng sắt! Tiếng xe cứ vo vo, vo vo rất đều, tôi nghe được mình lại! Mà sao đường giải ghê gớm! Tôi ngồi đấy, dò từng cử chỉ của tên tài xế, lòng nung nấu ưu phiền, không thiết gì cảnh trời thanh trăng sáng nữa.

Bỗng tên tài xế kéo mạnh cái cần máy hãm, Tiếng « phanh » rit dài, xe dừng hẳn lại. Tôi ngồi nhồm lên. Tôi thấy hắn mở cửa và coi xuống lấy cái gì ở gần ghế ngồi. Tôi cũng mở cửa và bước xuống bên này đường, như kiểu đứng cho rảnh gáy cổ. Hắn đã thu một vật gì trong tay và nhìn ra đường trước, hú lên một tiếng: « Hé ô... ô!.. ».

Tôi rợn tóc gáy và thấy mình đang ở giữa cảnh bí hiểm như trong một truyện trinh thám.

Liền đó, một tiếng đáp lại từ xa:

— Ba Sẹo đấy phỏng?

Bấy giờ tôi mới kịp nhận ra là một chiếc xe hòm khác, sơn màu sáng, đỗ ở phía trên chừng ba mươi bước. Một người ở trong bước ra. Tên tài xế tiến đến chỗ hắn, và hai người nói gì với nhau độ vài ba phút.

Tôi không còn ngờ vực gì về câu chuyện của họ mà quyết nhiên tôi là đầu đề vì thỉnh thoảng họ lại nhìn về phía tôi: Chúng bàn nhau cách « hạ » tôi!

Chung quanh đồng rộng. Gần đấy là một khóm tre tối đen, bên vệ đường. Một cái ao ở dưới, lấp lánh ánh trăng như một vùng thủy ngân tròn. Không biết đây là ruộng nào, nhưng chắc chắn đã xả đồn Bần Yên Nhân ít ra mười cây số. Trong một giây, tôi hình tưởng thấy mình bị đánh đập chân hay vỡ sọ, rồi bị quăng vào bụi tre, hay tiện hơn, xuống cái ao kia! Tôi thầm ân hận rằng thầy mẹ tôi đã không cho tôi một tấm thân cao lớn, trượng phu, và lại hối hận vì mình đã không học võ.

Hai đứa gian bản xong rồi. Chúng tiến lại chỗ tôi. Thằng ở xe kia còn gắng thêm một câu chửi.

Tôi một nửa đấy nhé!

— Được rồi, sau hãy hay, không phải nói!
 A, ra chúng chia trước cái đa tới! Tôi đi ra phía sau, vờ cúi nhìn số xe, nhưng thực là để lấy cái xe ngăn chận và tôi. Tôi định bụng: hẵng nào đến trước, tôi sẽ đánh hết sức đâm một cái thật mạnh vào giữa mặt, cho nó lạng người, quay lơ ra đó, rồi tôi sẽ xoay ra địch với thằng kia. Còn về sau thế nào sẽ liệu!... Một thằng lại gần... Tôi đứng thẳng người lên, giữ thế thủ. Quả tim tôi đập mạnh. Hơi thở dồn dập rất mau... Nhưng hẵng đợi lại đi lên! Rồi tôi tài xế chồm tới ngồi vào chỗ, đóng cửa lại, quay xuống gọi tôi:

— Ông lên đi!

Giọng hắn không có gì là dọa nạt, tuy vẫn còn dẫn dỗi. Tôi hết sức ngạc nhiên. Nhưng khi xe lại chạy, tôi mới thật tin rằng tôi thoát nạn.

Trên con đường vắng vẻ, chiếc xe lại bon bon vang mình ra đằng trước, như con mãnh thú hăng máu, hăm hè. Máy nổ rền rền, nghe vui tai quá! Ánh đèn «pha» quét lên những giấy nhà tranh im ngủ, đôi khi thoáng hiện như một giấc mơ. Tôi ngồi dựa đầu vào ghế, lim dim mắt nhìn khoảng trời trong suốt, cắt trong khung cửa xe. Lòng tôi hẹ tựa không khí. Tôi nghĩ lại những lo âu vừa qua và tự cười mình lỗ bịch.

Không mấy chốc chân trời phía trước mặt sáng hung, đã báo cho tôi biết là sắp đến Hải nội. Rồi cũng những ngọn đèn lấp lánh ở xa, như khi nãy

lúc đến Hải dương, nhưng bây giờ thì là những con mắt tươi cười, chào đón tôi như mừng được thấy lại người quen.

— Anh tài xế nhìn ngang tôi, nói:

— Thưa ông...

Giọng hắn đã khắc hẳn, ôn tồn, nhã nhặn, có thể nói là kính cần, như khi hắn mời tôi lên xe ở Hải phòng. Hắn có vẻ rụt rè ngượng nghịu. Tôi hỏi:

— Cái gì?

Hắn trần trừ thu chử, rồi tiếp:

— Thưa ông, ban nãy cháu chột nóng nói nhảm, thật là không phải! Cháu không đánh kỳ quân gì nữa, ông muốn cho bao nhiêu cháu cũng xin vâng. Nhưng xin ông đừng trình báo gì hết... ông bỏ lỗi đi cho cháu!

Tôi không nhận được một tí gì của tên da côn hồng hặc nữa! Giờ đây, trước mặt tôi, chỉ còn một thằng hèn, lơ miếng eom manh áo, một tên thất phu bày hết cái ti tiện khôn khéo của y, tùy cơ ứng biến mà liệu chiều hừng gió. Chứng ấy đốn mặt khiến tôi lợm giọng. Nhưng tôi nghĩ thầm rằng còn có nhiều kẻ tôi biết, ở một địa vị cao hơn hắn, mà sử sự cũng thế thôi! và tôi đáp:

— Thôi được. Có làm gì cái vật ấy! Tôi không để tâm đến đâu.

Xe gần tới cầu Doumer thì vừa bắt kịp cái xe hơi màu sáng đi lúc trước. Nghe hai tài xế nói với nhau, tôi mới hiểu đó là hai xe thuê cùng nhà, và anh tài xế kia ý hẳn cũng làm việc như anh của xe tôi.

Quả cầu, hẳn hỏi tôi ở đâu để đưa về tận nhà, nhưng không muốn lợi dụng, tôi bảo hắn đỗ cho tôi xuống đó. Hắn tháo ra mở cửa xe cho tôi và trân trọng đứng nép về một bên. Tôi mỉm cười, song không biết hắn có nhận thấy chăng. Tôi đưa cho hắn đồng bạc và không để ý đến về hẫu cùi chèo, tôi bước lên một cái xe tay vừa tiến đến.

Dưới ánh đèn sáng của những phố vắng lặng, thở không khí bình yên của cái thành phố mà tôi yêu mến, tôi mới chợt nghĩ rằng chỉ thiếu một chữ nữa, một tí tí thôi, nếu gặp tên tài xế gan góc hơn, là tôi đã có thể nằm gọn trong bụi tre hay dưới đáy cái ao kia ở dọc đường.

HƯỚNG MINH

Sep'embre 1943



ĐỜI NAY

do các văn sĩ quen biết trong Đờ Nay dịch

LOẠI GIÓ BỐN PHƯƠNG

Giá: 2\$50

ĐƯƠNG IN:

AI NA KARÉNINE (loại gió bốn phương)
 của L. TOLSTOI

DỪA CON

Tiêu thuyết của ĐỒ ĐỨC THỨ

MÂY

Thơ của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

SAP IN:

THANH ĐỨC (tức Tội lỗi)

Tiêu thuyết của KHAI HÙNG

ĐÃ CÓ BẢN:

HƯƠNG XA

Tập đoàn thiên cổ giá trị của 14 văn hào khắp các nước Đông, Tây.

ĐƯƠNG IN:

CỒ HỌC TINH HOA

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC
 và Tinh-Trai TRẦN-LÊ-NHÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

CUỘC TIẾN-HÓA CỦA NỀN TU'-BẢN⁽¹⁾

NHỮNG BIẾN-TRẠNG CỦA CHẾ- DỘ TU' BẢN TỪ CUỐI THẾ-KỶ XIX

VŨ VĂN HIỀN

Một lối họ thường dùng nhất là trong điều lệ đặt lúc mới lập hội, định trước ngay rằng muốn được dự vào hội đồng thường niên để cử ban trị sự, hội viên phải có ít nhất là 10, 20, 50, 100 (hay hơn nữa) cổ phần hoặc là hội đồng bao giờ cũng chỉ gồm có 50, 100, hay 200 hội viên có nhiều cổ phần nhất.

Nhờ cách ấy, nhữn viên ban trị sự nhiều khi chỉ bỏ ra một số vốn nhỏ mà có quyền sử dụng cả vốn hội, to gấp bao nhiêu lần tại sản riêng của họ hợp lại.

Theo một tờ trình tại thượng nghị viện Pháp ngày 20 février 1934 về các hội vô danh thì những viên quản trị công ti hỏa xa đường Paris Lyon Méditerranée (P. L. M) quản lý một số vốn là 22 milliards quan; mà chính họ chỉ đặt vào công ty tất cả có 1.327.000 quan, nghĩa là hai phần 100.000 vốn của công ti.

Kết quả thứ nhất của lối họp vốn bằng hội vô danh là làm cho tăng gấp thế lực của nhà tài chính. Không cần phải bỏ cả tài sản riêng của mình vào một hội mà vẫn giữ được vận mệnh trong tay, đồng thời họ có thể điều khiển nhiều hội.

Thật ra thì những người có tên trong ban trị sự một hội vô danh, thường dự vào năm mười hay hai ba mươi ban trị sự khác nữa. Thế lực về kinh tế trong một nước vì thế dễ tập trung trong tay một số ít người: ở Pháp trước cuộc chiến tranh này, người ta vẫn nói rằng cả các ngành kinh tế đều bị nắm trong tay độ « 200 nhà », ở Đức trước cuộc cách mệnh của Hitler, cả nền kinh tế cũng do độ 400 trăm nhà tài chính điều khiển.

Nhẽ tã, nhiên tại sản và lợi tức của các nhà tài chính không phải là nhỏ — vì hàng năm mỗi chân trong một ban trị sự thường khiến cho họ kiếm được mấy chục vạn hóa

hồng (tantèmes) — nhưng phần lớn số vốn các hội vô danh là do ở những người mua trái phiếu hay cổ phần.

Đến đây ta phải nói đến địa vị của các ngân hàng

Đề thành lập một hội vô danh to hay đề vay một số tiền lớn sau khi hội đã thành lập, các người điều khiển hội không thể gọi thẳng vốn ở công chúng bằng cách ban rao cổ phần hay trái phiếu. Họ cần phải điều đình với các nhà ngân hàng: như ngân hàng có thể lấy vốn riêng mà mua cổ phần hoặc trái phiếu hoặc bỏ tiền cho vay; nhưng cũng còn có thể giúp đỡ bằng cách nhận bản hộ cổ phần hoặc trái phiếu vì trót tiếp luôn với các tư nhân hay các hội có vốn gửi, ngân hàng thường làm cổ văn cho khách hàng trong sự dặt liên đề sinh lợi.

Từ cuối thế kỷ 19, sự gửi tiền ở ngân hàng thnh một sự thông thương ở các nước tư bản; không những thế ở Mỹ và Anh cũng từ hồi ấy và ở Pháp từ sau cuộc đại chiến 1914, 1918, lại bành trướng sự chi tiêu bằng *chèque*: người có vốn gửi tiền ở ngân hàng rồi khi cần gia ai thì viết một tờ giấy cho người ấy ra lấy tiền ở ngân hàng. Vì thế số tiền gửi ở ngân hàng ngày một to mà số tiền gửi to bao nhiêu thì ảnh hưởng của ngân hàng về sự sử dụng tài sản của tư nhân càng to bấy nhiêu.

Ta hãy lấy một thí dụ: trong năm 1936, hội « *comptoir national d'escompte* » (một ngân hàng lớn-tích ở Pháp) vốn có 400 triệu mà quản lý một số tiền gửi là 6000 triệu quan.

Một hội vô danh được nhà ngân hàng ấy nhận bản giúp cổ phần hay trái phiếu tuy không vay tiền của ngân hàng, nhưng cũng chắc tìm được vốn.

Sáu khi đã giúp các hội vô danh đề tìm vốn các ngân hàng còn có ảnh hưởng về sự hoạt động của hội do một cách gián tiếp nữa.

(1) Tiếp theo kỳ trước.

giao cho ngân hàng quản lý thay để lấy lãi hàng năm, theo công việc của hội đã phát hành và theo giá các phiếu trên thị-trường v. v. Nhờ thế các ngân hàng biết những hội viên nào có nhiều cổ phần, có thể hợp nhiều hội viên nhỏ cho có đủ số cổ phần để dự vào hội đồng các hội vô danh và làm đại biểu của khách hàng trong các hội đó.

Vậy trong xã hội tư-bản từ cuối thế-kỷ 19 trở đi, trên các nha kỹ-nghệ, chủ-nhân về mặt chuyên-môn, ta thấy xuất hiện một lớp khác là lớp các viên quản trị hội vô danh, và trên lớp các viên ấy là các ngân hàng.

Hạt hạ thì các người quản-trị ngân hàng và quản-trị các hội vô-danh nhiều khi chỉ là một.

Năm 1936, tại Pháp người ta căn cứ vào những điều trong thày — như thế là chỉ biết được một phần sự thật — mà tính tạm thay những viên quản trị và giám đốc hàng, Banque de Paris et des Pays-Bas là ngân hàng kinh doanh to nhất ở Pháp) dự vào 120 ban trị-sự, một phần lớn ở các nơi kinh-doanh ở Maroc, Cận đông, Viễn đông (trong đó có nhà Banque Indochinoise), Trung-Âu và Nam-mỹ; những viên quản trị ngân hàng « Union Parisienne » (ngân hàng kinh doanh to thứ nhì ở Pháp) chiếm 124 chỗ trong 30 hội, phần nhiều là các hội chế-lạo kim-khí và giao thoa.

Cũng ở Pháp, để trực-tiếp vào việc kinh-doanh, các ngân hàng lớn họp — trước chỉ nhận tiền gửi và cho vay ngân hàng — cũng lập thêm những bộ phận tại chỗ để đặt vốn dài hạn: hai hàng Crédit Lyonnais và Comptoir national d'escompte (tổ chức hội) Caisse d'industrialisation pour l'industrie nationale (O. I. I. N. A) và Union pour le crédit à l'industrie nationale (U. C. I. N. A); còn hàng Société générale thì lập hội « Société anonyme de crédit à l'industrie française ». Giúp tiếp qua các hội mọi sự và trực tiếp hàng sách để các viên quản trị hay các người làm của mình dự vào cơ-quan chỉ huy các hội vô-danh, hãng Société générale có liên lạc mật-thiết với tất cả các ngành kinh tế, nhất là với kỹ nghệ kim-khí và ngân hàng ở Viễn-dông và Cận đông; hãng Comptoir national d'Escompte kiểm soát nhiều hội kim-khí, thuộc-địa, điện-khí v. v.; còn những hội đặt dưới quyền các viên quản trị hãng Crédit Lyonnais thì quản-lý một số

tiền gửi, cộng quá 100.000 triệu quan!

Ta lại cần nói thêm rằng chính những nhà ngân-hàng đồ sộ kia cũng lại thường bị một số ít nhà ngân hàng khác nắm trong tay.

Tại Pháp người ta gọi thượng-tầng các cơ quan tài-chính ấy là « La Haute Banque ».

Các ngân-hàng thuộc vào hạng này có đặc tính là của riêng một họ, đã kinh-doanh từ lâu đời, không là những hội vô danh mà là những hội « chung tên » của dăm ba người thân thích với nhau.

Ngân hàng Raoul de Lubersac et Cie đã giúp vốn để tổ chức lại ngân hàng « Union Parisienne » trong năm 1934; ngân hàng Mirabaud et Cie có liên lạc với hãng « Société générale » và kiểm soát hãng « Société commerciale d'affrètement et de commission » hội gom 35 hội vận tải, thương mại và kinh doanh các ben tàu; ngân hàng Matet frères et Cie đã giúp vào sự sang lập nhà Pháp quốc ngân hàng và những hãng bảo hiểm to ở Pháp — thế lực những hãng bảo hiểm cũng không kém gì các ngân hàng vì số tiền họ quản lý thường tổ bằng tiền gửi ở ngân hàng; ngân hàng Lazard frères et Cie chuyên về việc hối quai, đã giữ một địa vị quan trọng trong sự giữ vững giá đồng franc hồi 1926 và đã giúp chính phủ Pháp trong cuộc công thái 3 milliards; ngân hàng de Rothschild frères đã giữ địa vị có nể quan trọng nhất trong nền kinh tế Pháp trước cuộc chiến tranh đay giờ, vì đã trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát đủ các thứ hóa xa, giao thoa, điện khí, ngân hàng v. v.

Những nhân viên thuộc về « La Haute Banque » ít khi đứng hẳn bên trong ban quản trị các hội vô danh, nhưng họ gián tiếp điều khiển tất cả các ngành kinh tế, ngân hàng nào thuộc về hạng này cũng có người dự vào ban quản trị nhà « Pháp quốc ngân hàng » (Banque de France) và thượng-tầng dự như thế từ ba bốn đời (họ Mathet kế tiếp dự vào Pháp quốc ngân hàng từ hồi mới thành lập, tức là từ 1800).

Một đặc tính nữa của ngân hàng thuộc về « La Haute Banque » là sự giao thiệp của họ với các cơ quan tài chính ở nước ngoài: họ « de Lubersac » và « Malat » có họ hàng trong các nhà tài-chính nước Anh, họ Lacard và Dind, weill (người Do-thái) chủ ngân hàng Lazard frères et Cie có một ngân-hoàng Paris, một ngành ở Londres và một ngành ở New-

York, có liên lạc với trust dầu hỏa «Royal Dir ch» và ngân hàng Morgan ở Mỹ là địch thủ của trust giàu «Standard Oil» và ngân hàng Rockefeller; họ Rotenschild (cũng người Do thái) có một ngành ở Pháp (đã bị chính phủ tịch biên tài sản), một ngành ở Đức và Áo (đã bị Hitler đuổi hồi Đức thu nhập Áo), một ngành ở Anh, Mỹ, Thụy sĩ, ở đâu cũng giữ một địa vị tối quan trọng về kinh tế.

Xem mấy thí dụ trên đây thì ta thấy khi người ta nói đến «giai-cấp tài chính quốc-tế» (la finance internationale), danh từ ấy đã rõ một sự thật, một giai đoạn mới của nền tư bản.

Ở Mỹ, ở Anh, ở Đức, ở Bỉ và Hà-lan, quyền hành về kinh tế cũng tập-chung vào các ngân hàng, và trong các ngân hàng, vào một ít họ như ở Pháp.

Sự tập-trung ấy có lợi cho kỹ nghệ là khiến cho nhà sản xuất dễ tìm được vốn để kinh-doanh, dễ tìm được đại biểu ở mọi nơi để mua vật liệu, dễ vận tải và bán sản phẩm. Sự tiến bộ của tài chính làm cho các hội, các công xưởng sát nhập, liên kết với nhau được dễ như trên kia tôi đã nói.

Nhưng mặt trái của trạng thái ấy là làm cho nhà kỹ nghệ mất tự do và làm cho nền kinh tế tư bản mất đặc tính là phù hợp với tình thế.

Ở giữa thế kỷ XIX, khi nào giá cao thì nhiều công xưởng tăng sự sản xuất để đủ cung cấp cho người tiêu thụ; khi nào giá hạ thì công xưởng nào kỹ thuật kém, không thể sản xuất rẻ, bắt buộc phải đóng cửa để dành chỗ cho công xưởng tiến bộ và tổ chức hợp lý hơn. Với sự can thiệp của tài chính, và sự kiểm soát của ngân hàng thì sự đào thải không làm theo lệ kinh tế như thế nữa: công xưởng nào được giúp đỡ nhiều thì sống, dẫu rằng công xưởng ấy đáng đóng cửa. Trái lại có nhiều công cuộc xét về kinh tế thì đáng làm vì có lợi, nhưng vì động chạm đến quyền lợi đã sẵn có của tài chính nên bị bỏ hay bị thất bại.

Đến giai đoạn này ta thấy rõ ràng sự sản xuất trong nền kinh tế tư bản không cốt để làm cho xã hội được tiến bộ, không cốt để cho người tiêu thụ được mua rẻ và được dùng hàng tốt mà cũng không cốt để dùng cho triệt để những nguồn lợi thiên nhiên nữa. Vì tài chính đã giữ phần ưu thắng, vì trong mỗi công cuộc sản xuất có một số vốn to cần phải giả lãi, cần phải sinh lời, nên mọi công việc đều tổ chức theo mục đích: là làm tăng số lợi tức của tư bản.

Phong-trào lao-công và các cơ-quan lao-động.

TRONG xã hội, giai-cấp có nhiều dịp tiếp xúc nhất với các nhà tư-ban là giai-cấp lao-động: thợ thuyền hàng ngày giao tiếp với chủ, có khi cùng chung quyền lợi với chủ — thí dụ như nhà máy có phát đạt thì thợ mới có việc làm luôn — nhưng thường thường có quyền-lợi trái ngược với quyền-lợi của chủ. Vì thế một trong những vấn đề khó giải-quyết nhất trong xã-hội tư-ban là sự giao thiệp giữa chủ và thợ, giữa giai-cấp hữu-sản và giai-cấp vô-sản.

Sau khi đã xét qua những trạng-thai mới xuất-hiện năm sáu mươi năm nay trong giai-cấp hữu-sản, ta nên đề ý đến những tình-cách mới của phong trào lao-công trong thời kỳ này.

Thật ra thì ngay từ lúc nền tư-bản mới phát khởi, cũng đã nêu ra vấn đề lao động rồi.

Từ cuối thế 18 và đầu thế kỷ thứ 19, khi đã bãi bỏ lệ-luật phong kiến bắt buộc dân-quê không được đi xa nơi quê-hương, và sau khi bãi bỏ được lệ luật của các nghiệp đoàn cấm không cho cạnh tranh, ở Anh cũng như ở Pháp, các nhà kỹ-nghệ được tự do hoạt động, được tự-do dùng thứ nhân công vừa nhiều vừa rẻ do các tiểu-công-nghệ bị phá sản đưa lại đây là do các nơi thôn quê đói khát dồn về. Từ bấy giờ nhà tư-bản đã bắt đầu coi nhân công như một thứ hàng-hóa giá-trị chỉ định theo sự cung cầu; và tùy lòng nước, cho tới giữa thế kỷ 19 hay cuối thế kỷ ấy, họ được tự do dùng cách nào để dùng nhân công cho rẻ, để sản-sắc được nhiều, được lợi.

Thợ-thuyền trong thời kỳ «tư bản tự-do» không được luật pháp che-trở mà cũng không có những cơ-quan tổ-chức vững-vàng để bênh vực lợi quyền cho mình.

Sự khổ-sở của giai-cấp cần lao ở Anh và Pháp vào nửa trên thế kỷ 19 đã có nhiều cuộc điều-tra của chính-phủ hay của tư-nhân giai-bầy một cách rõ ràng.

Thợ thường làm 14 giờ hay 15 giờ rưỡi một ngày; lương không đủ nuôi sống gia-đình, thường thường vợ và con phải làm suốt ngày mới đủ ăn. Khi ốm đau hay mất công việc tức là đói; ở sương thì phải làm việc trong cho bẩn thỉu và phải chịu những lệ luật khe-khắt; về nhà thì ở chui rúc vào những nơi chật hẹp thiếu vệ si h...

Ta hãy xem một đoạn sách của ông Villermé đã điều-tra về tình-cảnh thợ-thuyền ở Pháp vào khoảng 1840 :

«Thường thường chỉ mình người đàn ông mới kiếm thừa để dành được đôi chút; còn người đàn bà thì may ra mới kiếm đủ sống và đưa trẻ dưới 12 tuổi cũng may lắm mới đủ bữa ăn. Một gia-đình làm việc mà được ít công thì chỉ khi nào cả vợ lẫn chồng đều khỏe mạnh, cả hai đều có công việc cả năm, không có tiêu gì phí và chỉ có hai đứa con nhỏ thì mới sống được. Thi dụ có một đứa con thứ ba nữa, bị một việc ốm đau, tiêu quá một chút, chơi bội hay chỉ giờ giờ trái nằng là cả gia-đình thiếu thốn, quần bách cần phải cứu cấp. . . (ở phía bắc nước Pháp là nơi họp gần 40 vạn thợ) không có học hành không biết lo xa thành ngu xuẩn vì quá chơi, ốm yếu vì công việc trong các xưởng, giấy sáo vào nhàm trong những hầm nhà tối hay trong những tầng gác bê nóng đông rét thợ thuyền sống lợi lúc già cũng không có một đồng để dành mà yếm không đủ nuôi vợ con — mà con cái thì thường lại động . . . nhiều người có những cổ tật lưu-truyền lại cho con cháu. . . »

Ở Lyon, ông Villermé đã thăm những xưởng dệt lụa dùng trẻ con : « Những đứa trẻ còn bé lắm cũng dùng để quay tơ . . , chúng phải đứng khom khom luôn, cả người khom chúi xuống, không được thở không khi trong sạch, thành sau bị ung loét; tay chấp nọ, nọt, cựa chúng vẹo đi, lưng cũng cong lại; người chúng héo hon đi, và mọi mấy năm đầu, chúng đã thành những người ẻo lả tàn tật. Có những đứa trẻ khác thì phải quay bánh xe, để chày mấy cuộn; tay chúng chiêm hết cả chất bông để cho chán, thành thử những đứa trẻ khốn nạn ấy thường thường có tật ở chân ».

Tại nước Anh, trong nhiều xưởng thợ dệt ở gần Manchester : « thợ thuyền phải làm trong một bầu không khí nóng tới 80 hay 84 độ Fahrenheit, suốt 14 giờ một ngày, kể cả bữa ăn chưa; cửa xưởng đóng luôn trong những giờ làm việc, trừ có nửa giờ để cho uống nước; thợ không được lấy nước vào trong nhà máy để rửa cho đỡ nóng; cả nước mưa cũng theo lệnh chủ khóa chặt lại vì sợ nếu không thì thợ sẽ lấy dùng » Lệ nhà máy lại phạt tiền những người đánh giấy bẩn vào máy, tự ý mở cửa sổ, thổi sáo trong khi làm, ốm nả không ốm được người đưa tư cách thay mình x. v. (Political Register Aug. 1823).

Làm việc nhiều, công ít, bị bạc đãi, khinh rẻ, đói khát, ốm đau, bao nhiêu sự khổ-sở ấy thúi-dục thợ-thuyền phản đối lại tư-bản bóc-tước mình.

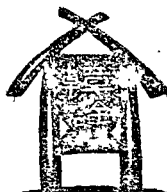
Không thường thế, hàng ngày bị dồn vào những xưởng đồ-sộ hợp hàng vạn, hàng nghìn người cùng chia sẻ những nỗi đắng cay chua-sốt như nhau, thợ-thuyền nhận thấy họ cùng thuộc vào một lớp xã-hội khó lòng ngoi lên được giai-cấp của chủ: tinh thần giai-cấp vì thế không bành-trướng.

Tuy vậy, cho tới giữa thế-kỷ 19, ở Anh cũng như ở Pháp, tay làm chân thợ-thuyền đã làm cho nhiều nhà kinh tế (như các đồ-dệ của Saint-Simon), cùng nhiều nhà tư-lâm phải chú ý — những giai-cấp thợ-thuyền vẫn chưa có sự tổ-chức vững chãi và nhất tề, trong cuộc tranh đấu để cướp lấy quyền lợi của mình, vẫn chưa biết rõ rằng bước đường phải theo.

Trong bài này, tôi không thể tóm tắt được cả lịch-sử phong-trào lao công ở Âu-Mỹ trong 150 năm này; nhưng tôi cũng nên nhắc qua những việc xảy ra từ trước để hiểu rõ việc mới xuất hiện năm sáu mươi năm này.

(Còn nữa)

VŨ VĂN HIỂN



TỦ SÁCH
« TÂN VĂN HÓA »
Hàn-Thuyền phát hành
71, Tiên-Tsin — HANOI
25-9-48 CÓ BẢN:

TRIẾT HỌC LÀ GÌ?

của NGHIÊM TỬ 2\$50

ĐÃ XUẤT BẢN:

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ . . . 1.80
NGUỒN GỐC VĂN MINH . . . 2.20
của BẠCH KHOA
GỐC TÍCH LOẠI NGƯỜI . . . 1.80
DỜI SỐNG THẠI CỒ . . . 2.20
THƯỢNG CỒ SỬ AI CẬP . . . 2.50
của NG. ĐỨC QUỲNH
ỐC KHOA HỌC . . . 2.20
của P. N. KHUÊ
Mua một cuốn gởi tiền về trước, kèm 0\$40 cước.

HIẾN PHÁP TRUNG-HOA

(Tiếp theo trang 8)

đối với ~~lập pháp~~ hiến nghĩa là thuộc quyền điều khiển của nghị-viên hơn là thuộc quyền Tổng lý. Hiến-pháp lại đặt một tiền ban dự thảo một đạo Hiến-pháp vĩnh viễn.

Hiến-pháp làm thời đặt xong, tức là bắt đầu thời kỳ vận động bầu cử. Cuộc vận động bầu nghị-viên (596 người ở Hạ-viện, và 274 người ở Thượng-viện) đã tỏ rõ sự mất thiện giữa quốc dân và Tổng lý; sáng năm 1913, quốc-hội (gồm hai viện) họp lại bầu Viên-lâm Tổng lý, nhưng đại đa số không hoàn toàn tín nhiệm Viên.

Trước tình thế ấy Viên vẫn thẳng tay hành động. Bắt đầu Viên tìm cách hạ thấp những phần tử phản đối độc-quyền của mình. Tổng-giáo-Nhân lãnh tụ nghị-viên, đáng lẽ được cử làm thủ tướng, bị bộ hạ của Viên ám sát ở Thượng-Hải. Rồi Viên vay tiền của Ngoại quốc để chỉnh bị quân, đội. Hai-viện, không ưng thuận, Viên giữ mặt đạo chính, giải tán nghị-viên, bỏ « *Lâm thời ước pháp* » mà thay vào một đạo hiến-pháp mới « *Tân ước pháp* » Trong đó quyền Tổng-lý rất nhiều (1914).

Sang năm 1915 Viên xưng Đế, nhưng toàn quốc phản kháng. Rồi đột nhiên mấy hôm trước ngày lễ Đăng-quang Hoàng-Đế của Viên, thì Viên mất. (tháng 6 1916)

Lê nguyên Hồng thay Viên làm Tổng lý, giữ lại theo « *Lâm thời ước pháp* » năm 1912 Đạo hiến pháp ấy sẽ là căn cứ của chính-thể chính thức của Trung Hoa cho tới năm 1928, trừ mấy phen đảo-chính như: phong trào Phục-tích của Trương Huân định khôi phục Thanh triều (tháng sáu 1917) cuộc đảo chính của Đoàn Kỳ-Thụy (1921) tự xưng « *Lâm thời chấp chính* » bỏ hiến-pháp cũ đến năm 1926 lúc Trương Tác Lâm lên thay và lại tự ý độc tài cho đến năm 1928.

Tổng khi hiến-pháp của Chính-phủ Bắc kinh (là chính-phủ chính thức) thay đổi như thế, thì ở miền Nam mấy tỉnh không phục tùng những cuộc đảo-chính ở Bắc kinh cũng có chính-phủ độc lập và cũng có hiến-pháp riêng.

Năm 1917, vào hồi Phục-tích, Tôn Văn lập ở Quảng-đông một chính-phủ nhà binh « *Quân Chính-phủ* » và khởi xướng phong trào « *Hộ pháp* » (Nghĩa là bảo hộ hiến-pháp bị bọn đảo

chính hủy hoại). Chính-phủ độc-lập này sẽ là cái hạt giống của Trung Hoa Dân quốc quốc dân chính phủ 1928 về sau này. Hiến-pháp nền tảng của chính-phủ độc lập miền Nam, đều phỏng theo Tam Dân chủ Nghĩa của Tôn Văn, Nghĩa là so với hiến-pháp của chính-phủ chính-thức miền Bắc, có nhiều bản tính Trung Hoa hơn. Ta sẽ có dịp xét rõ những bản tính ấy khi nào ta bàn về Hiến-pháp hiệu hành của Trung Quốc.

Những hiến-pháp kia, mà mục đích là để bảo lãnh quyền lợi của dân, đối với Trung-Hoa dân quốc có ảnh hưởng gì không? Từ ngày cuộc cách mệnh Tân hội phát khởi dân chúng đã hưởng được những quyền gì?

Ta không thể giả lời một cách lạc quan, về câu hỏi ấy.

Tả cái ảnh hưởng cách mệnh trong một làng nhỏ ở Tầu, Nha văn hiện đại Lỗ Tấn, viết: « Tình hình làng Mùỉ dần dần đã êm đềm giờ lại. Theo những tin đồn gần đây, người ta biết rằng? tiếng là đáng cách mệnh đã vào tỉnh những quý mô cũng chả bỏ khác gì xưa. Quan lớn huyện vẫn là nguyên quan, chẳng qua là bây giờ gọi là quan gì ấy gì ấy... mà cụ Cừ cũng làm quan đến chức gì gì ấy... Bấy nhiêu quan tước mới, làng Mùỉ chẳng ai hiểu. Còn chức Lãnh binh thì vẫn là ông Lãnh ngày trước .. Tiếng thế nưong làng Mùỉ cũng có thay đổi chút đỉnh. Nghĩa là mấy hôm sáu thì dân "đần số" đem đuôi sam quết vòng quanh lên chop đầu cũng một ngày một nhiều » (A Q chính truyện Đặng khai Mai dịch Gerni T. N số 40).

Xem đó, thì ảnh hưởng cách mệnh, vào làng Mùỉ là chỉ tới cái đuôi sam. Một khẩu hiệu cách mệnh là cắt bỏ đuôi sam, vì đuôi sam là tiêu hiệu sự thần phục nhà Thanh. Khẩu hiệu ấy tuy có được thực hành ở làng Mùỉ nhưng không được thực hành một cách triệt để: Đàng lẽ cắt đi thì họ chỉ đem cuồn lên đầu. Ngoài cái đuôi sam thì họ không hiểu một chút gì về cách mệnh cả, thậm chí khẩu hiệu « Tự do » mà họ hiểu ra là « *đậu đậu* » vì tiếng Bắc Kinh, chữ « Tự do » và chữ « *thị du* » (đậu thị) đọc hơi giống nhau.

Một nhà văn Trung-Hoa xưa, Thịnh Thanh, trong quyển « *Trung Quốc cách mệnh Trung*

«Chỉ mầu tử» là một vụ kiện trong một ấp nhỏ, nó biểu lộ được cái tầm mức ảnh hưởng của cuộc cách mệnh đối với dân-gian.

Câu chuyện đại khái như sau đây : bác Sun nghe nói thân phụ bác ta lúc sinh thời có bán cho nhà họ Lý một thửa ruộng. Việc tuy xảy ra đã quá 40 năm về trước, và lúc bán tuy có vẫn tự hạp hoi, nhưng bác Sun nghe người xui dục cứ đến đòi ruộng bà lão Lý. Bà này nhất định không giả vì lúc bố bác ta bán cho chồng bà có van tự hạp hoi, và đã quá 30 năm thì đâu sao cũng không đòi lại được. Sun đòi không được ra về, giận giữ. Mấy hôm sau, đúng vào ngày mồng một tết Sun kéo một đại đội gia nhân đến nhà bà Lão Lý : vợ và bốn con xông vào yêu cầu bà phải giả lại ruộng. Tinh thể lúc đó rất gang. Xin nhường lời cho tác-giả : «Thế là nhà tôi bị bọn kia xông vào chiếm đóng. Bà tôi cuống quýt, chột sủa rình rập, nhưng mẹ tôi trấn tĩnh bảo bọn kia : ta vẫn biết là bây giờ là thời buổi cách mệnh. Nhưng đến ông Tôn Dật Tiên cũng đến phải lùi thì thôi. Các người đừng tưởng hung hang mà ta sợ. Cái gì thì cũng đến phải thì thôi!» Tôi và anh tôi là đảng viên cách mệnh vừa mới ở Nam Kinh về làng, trông quang cảnh quá ư ngao ngán!... Ngày hôm sau Sun lại đem đại đội vợ con đến chiếm đóng nhà tôi, nào gào hét, nào lảng mạ. Rồi Sun tộp ngực anh cả tôi lôi đến cửa quan. ... Hình như công việc của họ đã xếp đặt từ trước. Đến quan, quan chấp đơn, nhưng không xử ngay, trừ trừ mãi mãi. Trong khi đó thì bọn kia vẫn chiếm đóng nhà tôi. Mẹ tôi biết có sự ám muội, thân hành cùng cả nhà tôi lên công đường. Dự- đoán gì cũng cho chúng tôi là phải, công chúng theo chúng tôi lên công đường khá

đồng đứng giữa công đường mẹ tôi lên tiếng «Mời quan ra. Và xin quan hãy bảo cho chúng tôi biết đây là tòa phân xử quang minh hay là nơi mưu mô ám muội?» Tôi tức quá cũng quát lên : « Các người liệu hồn. Dân quốc cách mệnh sẽ không tha thứ cho các người »

«Tôi rước thái độ cả quyết này, và nhân họ cũng biết tôi ở Nam Kinh mới về, nên bọn kia phải xử nhũn. Quan phải ông chủ tôi đến dàn hòa nói rằng Quan đã hạ lệnh cho bọn nhà Sun phải lập tức ra khỏi nhà tôi. Bà tôi còn muốn họ kết an Sun về tội xung phạm nhà người, nhưng mẹ tôi can «chẳng qua chúng nó nghe người ta, chúng đáng thương, không đáng tội».

Thuật chuyện kể trên, tác giả phê bình cuộc cách mệnh bang một câu chua chát : «Ồi cách mệnh, chỉ được cái vỏ ngoài!»

Phê bình một cách bi quan như thế, ta đừng tưởng rằng Lô Tấn với Thịnh Thành là phần-tư phản động đâu! Trái lại họ là những phần tử cách mệnh tân tiến có học thức, có suy nghĩ lại có nhiều kinh nghiệm. Rất bẽ bàng và tha thiết với công cuộc cách mệnh, nhưng họ phải công nhận thực tại của tinh thế, để còn mưu bõ khuyết vào công cuộc trường cửu của quốc dân.

(còn nữa)

SẼ XUẤT BẢN :

LA SƠN PHU TỬ

của HOÀNG-XUÂN HẸN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

HÃY ĐỌC :

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN DINH THỊ

Một cuốn triết học cấp môn để hiểu những tâm thường. Một cuốn triết học sử phác được 10 tầng cuộc tiến hóa của triết học phương tây.

Một chọe phân tích cặn kẽ những khuynh hướng và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa-học hiện đại

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT 29, Lamblot, HANOI

ĐÃ CÓ BẢN :

HỌC THUYẾT FREUD

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn c u lần đầu tiên đưa ra quốc văn do ông TÔ KÈU PHƯƠNG.

Giá : 2\$50

CON MỘT T:

TRIẾT LÝ VỀ VU TRỤ VÀ NHÂN SINH

của PHAN MẬT — Giá : 2\$30

VĂN HẠO TOLSTOI

của NGUYỄN PHI HOANH — Giá : 2\$40

NƯỚC Ý SAU TRẬN ĐẠI-CHIẾN..

(Tiếp theo trang 11)

phải từ chức trong 48 giờ. Facta từ chức. Trong khi đó, Mussolini điều bắt quân mình các các đường xe lửa và điện thoại làm cho Rome và các tỉnh lớn cô độc.

Sáu vạn người đóng cách Rome 50 cây số và nhiều đội quân khác chiếm đóng khắp nước sẵn sàng giao chiến với hồng quân từ phía Nam đánh lên. Mussolini thì đóng ở Perouse cùng bốn bộ hạ (de Bono, Balbo, de Vecchi, Bianchi). Chiều 27, quân tiến sát Rome. Facta không bảo gì nhà vua hạ lệnh thiết quân luật, cho chằng giấy thép gai và đặt súng liên thanh. Nhưng sáng 28, nhà vua hay tin bên bắt Facta phải thôi ngay vì de Vecchi vừa từ Perouse đến nói cho nhà vua hay rằng nếu tình hình như cũ, thì sẽ chiến đấu với cả nhà vua. Đến trưa hôm đó thì lệnh thiết quân luật thu hồi. Nhà vua cử Salandra lập nội các và đề cho đảng phát xít bốn bộ. Mussolini muốn được tự do nên ở lại Perouse giả nhời từ chối, bắt phải để cho mình đứng đầu chính phủ. Nhà vua cho triệu. Mussolini chối từ. Đến chiều 29 thì nhà vua phải bằng lòng đề ghế thủ tướng cho thủ lĩnh phát xít. Đêm đó quân đội kéo vào thành. Bấy giờ tối thì đến lượt Mussolini. Và sáng hôm sau thì nội các thành lập. Thủ lĩnh phát xít bắt đầu nắm chính quyền.

ỨC MAI

BÁO MỚI, SÁCH MỚI

Báo Thanh-niên, là một tờ tuần báo mới ra đời, xuất bản ở Saigon, chủ nhiệm ông Huỳnh-lân-Phát. Xin kính chào bạn đồng-nghiep mới và và giới thiệu với bạn đọc Thanh-Nghị.

Thượng-Cổ sử Ai-Cập của Nguyễn-dức Quỳnh HÀN-THUYỀN xuất bản — giá: 2\$50

Chính-phụ-Ngâm, bản dịch ra tiếng Pháp của Bài-văn-Lãng, của hư-xã ALEXANDRE DE RHODES xuất bản.

Việt-sử giai-thoại của Đào Trinh Nhất. CỘNG LỰC xuất bản.

Hà-nội cũ của Sở Bảo, Doãn Kế Thiện. ĐỜI MỚI xuất bản.

Quê-Hương, của Nguyễn-Tuân. ANH-HOA xuất bản giá: 5\$00.

Đứa-Con, của Đỗ-dức-Thu. ĐỜI-NAY xuất bản, giá: 3\$00.

A-na Kha-lê-Ninh, bản dịch của Vũ-ngọc-Phân ĐỜI-NAY xuất bản — giá: 2\$50.

Thông ché PÉTAIN đã nói:

«Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ-báng chua chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố»

LỚP DẠY PHÁP-VĂN KHÔNG LẤY TIỀN của HỘI TRI-TRI HANOI

Hội Tri-Tri Hanoi mở một lớp học tối dạy Pháp-văn không lấy tiền cho những người mới đỗ hay thi hỏng bằng tiểu-học CEPCI (ngày giờ học: tối thứ hai, thứ tư và thứ sáu từ 8 giờ đến 9 giờ 30).

Nếu có nhiều người xin học, ban hội sẽ mở thêm một lớp học tối diễn-giảng văn-chương Pháp (littérature française) cho học-sinh năm thứ ba thứ tư cao-dẳng tiểu-học (ngày giờ học: tối thứ ba và thứ năm, từ 8 giờ đến 10 giờ).

Biên tên ngay tại hội quán phổ bang Quat, vào hồi bảy tám giờ tối.

Hội Tri-Tri Hanoi lại-cáo.

Từ tháng mười lăm 1943

đến tháng năm tây 1944

BAN KỊCH THỂ LỮ

LẦN LƯỢT DIỄN:

15 vở KỊCH
GIÁ - TRỊ

≡ CỦA CÁC NHÀ VĂN CÓ TIẾNG ≡

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỒ SỒ ĐÔNG-DƯƠNG

VIỆC QUỐC TẾ:

Trên đất Nga, quân đội Đức vẫn tiếp tục thi hành kế hoạch rút lui ở khắp các mặt trận.

Khu Smolensk, sau khi chiếm được mấy thành phố Dukovshino và Yartzevo ở Đông-Bắc, Pochinok ở phía Nam, Hồng quân đã vào thành Smolensk ngày 26 septembre. Từ đó quân đội Nga tiến vào hạt Bạch Nga tới ba nơi Vitebsk ở Tây-Bắc, Orsha ở phía Tây và Mogilev ở Tây-Nam, Smolensk.

Khu Briansk, sau khi chiếm được Briansk ngày 15 septembre, Hồng quân dọc theo sông Desna đánh xuống miền nam hạ những thành phố Kranoe

Truichovsk. Quá phía dưới quân Nga hạ Unecha. Klimovo và Gorokhova rồi tiến đến gần thành Gomel ở vùng Đông-Nam Bạch-Nga.

Khu Kiev, những cuộc kịch chiến xảy ra liên tiếp. Phía Đông, và phía Đông-Bắc Hồng quân hạ Niezhin Rómny, Glinsk Chernigov (22-9), dọc theo sông Desna xuống gần sát thành Kiev. Phía Đông-Nam quân Nga chiếm Krasnograd và tới ngày 24 septembre mới vào được thành Poltava. Từ đó quân Nga lại theo đường xe lửa tiến tới bờ sông Dniepr hạ thành Kremenchug (29-9) ở Tây-Nam. Quân phi công Đức đã vượt qua sông Dniepr đánh tới Zaporozhie và ngoại-châu thành Dnepropetrovsk.

Khu bờ biển Azov, Hồng quân từ Marioupol đánh về phía Tây đến Berdiansk, ven theo duyên-hải tiến đến Meliopol, ở đây hiện đang xảy ra những trận kịch chiến.

Khu Kouban quân Nga đã hạ được Novorossiisk (16-9) và quá lên phía Bắc, trên bờ biển, hạ thành Anapa.

Mặt trận Ý: Lộ quân thứ 5 của Mỹ sau một hồi bị ngăn cản ở Salerno đã được lộ quân thứ 8 của Anh tiếp cứu và liên-lạc được với phe đồng minh lên phía Bắc tới Đông-Bắc. Quân Đồng-minh lần lượt chiếm được nhiều nơi tới ngày 29 septembre hạ được Foggia và San Angells. Quá phía Tây vẫn đang có kịch chiến chung quanh thành Naples.

Trong khi đó Mussolini đã lập một Chính phủ cộng-hòa phát-xít và tự nhận làm Quốc-trưởng còn Chính phủ của Ý hoàng và thống chế Badoglio tự Sicile đã thiên lên thành Brindisi ở Nam Ý.

Ngoài biển Tyrrhénienne, xảy ra mấy việc quan trọng: quân đội Đức đã bỏ đảo Sardaigne ngày 20 September, rút lên đảo Corse, ở đây quân Đồng-minh cùng quân De Gaulle bắt đầu đổ-bộ từ ngày 22 September và đã chiếm được Bastia ở Đông-Bắc. Viên quân trưởng nơi đây đã phải nhường chức cho một đảng-viên phái De Gaulle. Trên bờ Adriatique, quân Đức đổ-bộ lên đảo Corfou ở duyên-

hải Hy-lạp đã diệt được quân Ý theo Chính-phủ Badoglio. Trên biển Egée quân-đội Đồng-minh cũng chiếm đóng mấy đảo Castellorizzo và Samos ở quần đảo Dodécanèse.

Nhưng trên bán-đảo Ba-nhĩ-căn bồng có biển loang. Những dân Croates và Stovenes ở Nam-Tư-lạp-phu (Yougoslavia) có quân Ý giúp sức đã nổi lên tại các miền Slavonie Monténégro và Albanie, hiện còn đang chống cự lại quân-đội Đức-Lỗ sau khi chiếm đóng tại Inreja.

Ở Trung-Hoa: có tin những đội phi-cơ lớn của Mỹ từ Bắc-Phi sang đóng tại các trường bay Quế-Lâm, Côn-minh. Từ đó những phi-cơ sẽ đi đánh các nơi căn cứ của Nhật theo lời Tổng-tư-lệnh các đội không quân Mỹ ở Trung-Hoa thì những phi-cơ đó rồi sẽ sang đánh đất Nhật.

Ở Đông-Dương: ngày 1er Octobre, phi-cơ Mỹ đã ném bom xuống thành phố Hải-Phòng làm nhiều người thường-dân bị nạn (Thông-cáo). Báo Thanh-Nghị xin có lời cảm-động kinh-viếng các nạn nhân.

Viết ngày 2 Octobre 1943
ĐỒ ĐỨC DỤC

PÉDOCA
vinaigre-cornichon

EN VENTE:
dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI
N° 136, Boulevard A. Rousseau
Téléphone : 1663

ĐÃ XUẤT BẢN: —————

CHINH-PHỤ-NGÂM

CỦA THƯ-XÃ

ALEXANDRE DE RHODES

BẢN DỊCH PHÁP VĂN CỦA

BÙI VĂN LĂNG

cuốn sách thứ nhì trong một từng-thư, có thể dùng trong ban trung-đẳng cồ-điền Viễn-đông. Theo cách trình-bày ở bộ KIM VÂN KIỀU của ông Nguyễn Văn Vĩnh dịch ra Pháp-văn

120 trang khổ 17×23 , bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh Quỳnh

Bản giấy thương. 1\$50, cước 0\$47

Bản giấy Đại-la impérial. . . . 5\$00, — 0\$96

Mua lĩnh hóa giao ngân kèm thêm. 0\$80

TÔNG PHÁT HÀNH

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes, HANOI

ĐÃ CÓ BẢN: —————

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ XÃ ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

CUỐN II TRỌN BỘ

bản dịch Pháp văn của ông

Nguyễn văn Vĩnh

470 trang khổ 17×23 , bìa hai màu có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh Quỳnh.
Toàn bộ Kim Vân Kiều gồm 800 trang thành một pho sách quý vô giá để quốc dân ngâm và hiểu áng văn của Tố-Như

Bản thương. . . 3\$00 — cước 0\$80

Bản Vergé bouffant 8\$60 — cước 1\$20

Gửi lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0\$80

TÔNG PHÁT HÀNH

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes, HANOI

KÍNH CÁO BẠN ĐỌC T. N.

Đã bốn, năm tháng nay, trong khi tất cả tạp chí ở Đông-Dương đều lên giá vì nghị định quan Toàn-quyền bắt buộc các tạp chí phải in bằng giấy in sách (papier-impression) chứ không được bằng giấy in báo (papier journal) là thứ giấy rẻ tiền hơn thứ trên — báo Thanh Nghị vẫn giữ giá cũ (0\$35), hẳn các bạn đã thấu rõ sự hy sinh đó của chúng tôi.

Nay giá giấy lại vừa mới lên rất cao, chúng tôi bắt buộc phải xin phép bạn đọc tăng giá lên 0\$40 một số, 2đ30 ba tháng, 4đ50 sáu tháng, 8\$50 một năm. Các bạn nên nhận cho rằng giá đó theo với giá các báo khác vẫn còn là hạ và xét cho sự hy sinh của chúng tôi trước sau cũng vẫn thế.

T. N

BÁO THANH NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Octobre 1943

- Nguồn gốc văn Kiều — (Hát phường vải)
- Tình cảnh sinh hoạt của dân quê
- Những bệnh gia truyền.
- Hiến pháp Trung Hoa
- Những biến trạng của chế độ tư bản từ cuối thế kỷ XIX
- Nước Ý từ sau trận chiến tranh 1914-1918
- Chính sách nghiệp đoàn
- Lỗ Tấn — III.
- Một chương trình dạy trong các lớp học binh dân — II. Lớp Cao đẳng người lớn
- Đọc sách mới: Đứa con

HOÀNG XUÂN HẪN
NGHIÊM XUÂN YÊM
NGUYỄN ĐÌNH HÀO
PHAN ANH
VŨ VĂN HIỀN
LÊ HUY VÂN
ĐỖ ĐỨC DỤC
ĐỖNG THÁI MAI

VŨ ĐÌNH HÒE
L. H. V.